

E-XO'-TA

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

01. SỰ THÀNH TÍN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI
02. TAY NHÂN LÀNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI
03. ÂN ĐIỂN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

1. ƠN THẦN HỤY CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Exo 1:1-3:13)

“Cám ơn Chúa vì Ngài đem đến cho chúng ta những điều khó khăn!” Oswald Chambers nói trong quyển *My Utmost for His Highest*, [1]

Lần đầu tiên tôi đọc được câu nói đó, tôi lắc đầu không tán đồng; nhưng khi ấy tôi còn trẻ và không có kinh nghiệm, có lẽ theo tôi khôn ngoan hơn khi làm những chuyện dễ dàng để nhìn thấy thành công của mình. Tuy nhiên, tôi đã sống đủ lâu để hiểu sự khôn ngoan trong câu nói của Chambers. Tôi đã biết rằng khi Đức Chúa Trời bảo chúng ta làm những việc khó, đó là vì Ngài muốn chúng ta lớn lên. Không giống những người phụ trách mục quảng cáo trên báo và các bác sĩ giải phẫu thẩm mỹ ngày nay, Đức Chúa Trời không chế tạo ra những anh hùng giả tạo; Ngài nuôi lớn những cái có thật. Daniel Boorstin viết, “Anh hùng là một đại nhân, sự nổi tiếng là một đại danh” [2]

Trong Danh Sách các Anh Hùng của Đức Chúa Trời có tên gần 50.000 người Do Thái, là những người năm 538 T.C đã rời Ba-by-lôn trở về Y-sơ-ra-ên với tinh thần trách nhiệm. Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ trở về quê hương để làm một việc rất khó khăn: xây lại đền thờ, thành phố và khôi phục sự nhóm họp của người Do Thái trong xứ của họ. Thực hiện công việc mạo hiểm này, họ phải mất 4 tháng di chuyển cộng với một đức tin, lòng can đảm, sự hy sinh rất lớn; và thậm chí sau khi đến được Thành Thánh, cuộc sống không hề dễ dàng hơn chút nào. Nhưng khi bạn đọc lại bài tường thuật được linh cảm này, bạn sẽ thấy sự dẫn dắt thần hựu của Đức Chúa Trời từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc; và “Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” (Ro 8:31)

Bạn thấy ơn thần hựu của Đức Chúa Trời trong ba sự kiện chính.

1. Sự phóng thích khỏi cảnh lưu đày (Exo 1:1-4)

Hơn một thế kỷ trước, tiên tri Ê-sai đã cảnh báo cho dân Do Thái rằng người Giu-đa sẽ bị lưu đày sang Ba-by-lôn và bị trừng phạt vì những tội lỗi của họ (Es 6:11-12 11:11-12 39:5-7), và lời tiên tri của ông được ứng nghiệm. Vào năm 605, Nê-bu-cát-nết-sa bắt cả hoàng tộc đi lưu đày và lấy các vật dụng quý giá trong đền thờ đem sang Ba-by-lôn. Năm 597, ông bắt lưu đày 7.000 “lính chiến mạnh mẽ” và hàng ngàn thợ mộc, thợ rèn (IIVua 24:10-16); vào năm 586, ông phá huỷ Giê-ru-sa-lem và đền thờ, bắt hết những cư dân còn lại lưu đày sang Ba-by-lôn, “chỉ chừa lại trong xứ những người nghèo khổ hơn hết” (25:1-21).

Vào năm 538, Si-ru Đại Đế, vua Phe-rơ-sơ, người chinh phục được Ba-by-lôn, đã ra lệnh cho phép dân Do Thái bị lưu đày được trở về xứ mình và xây lại đền thờ. Điều này cũng đã được Ê-sai tiên báo (Es 44:28). Việc Si-ru làm 25 thế kỷ trước nhắc chúng ta ngày nay nhớ đến những lẽ thật thuộc linh quan trọng.

Đức Chúa Trời thành tín với Lời Ngài. Trong ít nhất 40 năm, tiên tri Giê-rê-mi đã cảnh báo các lãnh đạo Giu-đa rằng sự lưu đày sang Ba-by-lôn là điều không tránh khỏi (Gie 20:4-6 21:7-10); và ông kêu nài họ ăn năn tội lỗi mình và đầu hàng Ba-by-lôn. Chỉ như vậy họ mới có thể cứu được thành và đền thờ khỏi bị phá huỷ. Các lãnh đạo ấy đã không nghe thật ra họ đã buộc Giê-rê-mi tội phản quốc Thành Thánh và đền thờ bị phá huỷ năm 587-589.

Nhưng Giê-rê-mi cũng tiên báo rằng Sự Lưu Đày sẽ kéo dài trong bảy mươi năm (25:1-14 29:10 Da 9:1-2). Các học giả Kinh Thánh không nhất trí về sự xác định niên

đại của giai đoạn này, hoặc nó bắt đầu bằng sự xâm lược của Ba-by-lôn năm 606 hay bằng sự sụp đổ thành và đền thờ năm 587-586. Từ năm 606 đến 537-536, khi dân sót trở về Giu-đa, là bảy mươi năm, nhưng như vậy cũng là giai đoạn từ sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem (586) đến sự hoàn tất đền thờ thứ hai năm 516. Dù bạn chấp nhận cách tính nào đi nữa, lời tiên tri này và sự ứng nghiệm của nó làm người ta ngạc nhiên [3] Dù Đức Chúa Trời hứa ban phước hay sửa trị, Ngài luôn thành tín với Lời Ngài. “Trong các lời lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các ngươi đã phán về các ngươi, chẳng có một lời nào sai hết” (Gios 23:14). “Về các lời tốt lành mà Ngài đã cậy miệng Môi-se, kẻ tôi-tớ Ngài, phán ra, chẳng có một lời nào không ứng nghiệm” (IVua 8:56). “Trời đất sẽ qua, nhưng lời ta nói chẳng bao giờ qua đi” (Mat 24:35).

Đức Chúa Trời thành tín với giao ước của Ngài. Dù họ phạm tội, bị lưu đày, dân Do Thái vẫn là tuyển dân của Đức Chúa Trời và là con của giao ước mà Ngài đã lập với Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp (Sa 12:1-3). Dân sự vi phạm giao ước, nhưng Đức Chúa Trời vẫn trung tín với Lời Ngài. Ngài kêu gọi dân Do Thái làm nguồn phước cho cả thế gian, và Ngài muốn nhìn thấy họ làm trọn đại sứ mạng đó. Qua họ thế gian sẽ nhận biết Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, biết Lời thành văn của Đức Chúa Trời, và trên hết là Chúa Cứu Thế của nhân loại. “Sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Gi 4:22).

Đức Chúa Trời đang điều khiển các nước. Chính Đức Chúa Trời là Đấng đã đẩy lên Nê-bu-cát-nết-sa “đầy tớ ta” (Gie 25:9 27:6 43:10) để trừng phạt dân Giu-đa; và sau đó Ngài đẩy lên Si-ru để đánh bại dân Ba-by-lôn, thiết lập Đế Quốc Phe-rơ-sơ. “Ai đã khiến người kia đẩy lên từ phương Đông, lấy sự công bình gọi người đến kề chân mình? Ngài phó các dân tộc trước mặt Người, khiến người cai trị các vua, phó họ như bụi cho gươm người, giống như rác rến bị gió thổi cho cung người” (Es 41:2,25). Đức Giê-hô-va gọi Si-ru là “người chăn chiên của ta” (44:8) và “người xúc dầu của Ngài” (45:1) tiên tri Ê-sai tiên báo rằng Si-ru sẽ phóng thích dân lưu đày và cho phép họ xây lại thành là đền thờ của họ (c.13).

Dân sự của Đức Chúa Trời cần nhớ rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời luôn tể trị hết thảy các nước và có thể làm những gì Ngài thích qua những vị vua cao cả nhất. Nê-bu-cát-nết-sa phải học bài học này một cách khó khăn (Da 3:28-32), nhưng sau đó ông thừa nhận: “Ngài là uy quyền còn mãi mãi, nước Ngài từ đời nọ đến đời kia. Hết thảy dân cư trên đất thảy đều cầm như là không có; Ngài làm theo ý mình trong cơ binh trên trời, và ở giữa cư dân trên đất; chẳng ai có thể cản tay Ngài và hỏi rằng: Ngài làm chi vậy?” (4:34-35).

Khi Ngài muốn, Đức Chúa Trời có thể hành động qua các vị vua trên đất; Ngài đã chứng minh điều này trong cách Ngài xử lý Pha-ra-ôn (Xu 9:16 Ro 9:17), A-suê-ru (Sách Ê-xơ-tê), San-chê-rip (IIVua 19:28), A-gút-tơ Sê-sa (Lu 2:1), và Hê-rốt Ac-ríp-ba (Cong 12:20-24). Vua Giô-sa-phát nói rất hay: “Lạy Giê-hô-va Đức Chúa Trời của tổ phụ chúng tôi! Ngài há chẳng phải là Chúa ở trên các tầng trời sao? Há chẳng phải Đấng quản trị muôn dân muôn nước sao? Ở nơi tay Chúa có quyền thế năng lực, chẳng ai chống trả Chúa cho nổi” (IISu 20:6).

Không phải Đức Chúa Trời chỉ dùng những tín hữu Cơ Đốc. Hoặc một thị trưởng, một thống đốc, một thượng nghị sĩ, một thủ tướng chính phủ, một đại sứ, hay một tổng thống, Đức Chúa Trời có thể thực thi quyền tể trị của người để làm trọn những mục đích của Ngài trên dân sự Ngài. Đây là một trong những lý do khiến Phao-lô

khuyến các tín hữu cầu nguyện cho những nhà cầm quyền, không phải để những công tác chính trị của chúng ta được làm thành, nhưng để ý muốn của Đức Chúa Trời được thành tựu trên đất (ITi 2:1-8). “Đức Chúa Trời có thể hạ gục bằng một que củi.” John Watson, nhà truyền giáo theo Thanh giáo, nói; và đó là những gì Ngài làm với Sy-ru.

Sắc lệnh của vua bạo dạn công nhận Đức Chúa Trời và gọi Ngài “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các tầng trời” (Exo 1:2), danh xưng này được dùng 17 lần trong E-xơ-ra, Nê-hê-mi, và Đa-ni-ên. Sắc lệnh này nói đến hai loại người: (1) những người muốn quay về xứ mình và (2) những người thích ở lại Ba-by-lôn. Những người thích ở lại được khuyến khích dâng tiền lo chi phí đi lại và công tác phục hồi đền thờ. [4].

Dân Do Thái cũng tiếp nhận sự đóng góp của những người láng giềng ngoại bang (c.6). Khi dân Do Thái rời Ai-cập, họ đã lấy đi của cải của người Ai-cập (Xu 12:35-36) và thu lại tiền công của những nam đĩnh làm việc suốt những năm nô lệ. Giờ dân Do Thái đang tiến hành “Sự ra khỏi” tình trạng lưu đày, họ có thể thu góp của cải từ những người láng giềng ngoại đạo và dâng nó cho Đức Giê-hô-va. [5]

2. Sự trở về của dân sót (Exo 1:1-11) (Exo 1:5-2:67)

Đức Chúa Trời không chỉ cảm động lòng Si-ru để phóng thích dân lưu đày (1:1), Ngài còn cảm động lòng dân Do Thái để họ khao khát được trở về Giu-đa (c.5). “Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài” (Phi 2:13). Chính Đức Chúa Trời ban lệnh (xây lại đền thờ), thì Ngài cũng cung cấp phương tiện để thực hiện mệnh lệnh đó, trong trường hợp này, dân chúng sẵn sàng trở về Giu-đa và bắt tay vào công việc.

Của cải (Exo 1:5-11). Những người ra đi không chỉ đem theo vật dụng cá nhân, họ còn mang theo 5.400 khí dụng của đền thờ được làm bằng vàng và bạc mà bị Nê-bu-cát-nết-sa cướp đi (IIVua 25:8-17 Gie 52:17-23 Da 1:2 5:1-3). Những khí dụng này được một thủ quỹ kê khai và giao cho Sết-ba-xa, một quan chức được chỉ định của Giu-đa.

Sết-ba-xa là ai? Ông được đề cập bốn lần trong sách E-xơ-ra (Exo 1:8,11 5:14-15) nhưng không được nhắc đến trong các sách hậu lưu đày khác. Ông được gọi là “quan trưởng của Giu-đa” (1:8), tước hiệu này có thể là “người lãnh đạo” hoặc “quan trưởng” và thường chỉ về những người đứng đầu các chi phái Y-sơ-ra-ên (Dan 1:16 47:2 Gios 9:15-21). Từ “Giu-đa” trong Exo 1:8 chỉ về chi Phái Giu-đa; nên Sết-ba-xa là một quan chức được chỉ định trong “con cháu các dân tỉnh Giu-đa” (2:1).

Những học giả Kinh Thánh tin rằng Sết-ba-xa không phải là ai khác ngoài Xô-rô-ba-bên, quan trấn thủ Giu-đa, là người cùng với thầy tế lễ cả Giê-sua chỉ đạo công việc cho dân sót khi họ xây lại thành và đền thờ. Ông được đề cập hai mươi lần trong các sách hậu lưu đày, theo ISu 3:16-19 là cháu của Giê-hô-gia-kim và vì vậy là một hậu duệ của Đa-vít.

Exo 5:16 nói rằng Sết-ba-xa đã đặt nền cho đền thờ, trong khi 3:8-13 thì cho rằng đó là Xô-rô-ba-bên, và Xa 4:9 khẳng định điều đó. Có lẽ hợp lý khi kết luận Sết-ba-xa và Xô-rô-ba-bên là một người. Thời đó một người có nhiều tên không có gì lạ, nhất là với một người Do Thái được sinh ra trong xứ ngoại bang.

Khi bạn cộng những con số trong Exo 1:9-10, thì tổng cộng bằng 2,499; nhưng tổng số được đưa ra trong câu 11 là 5,400. Có sự bất nhất ở đây? Không nhất thiết là như vậy, vì điều quan trọng là Xô-rô-ba-bên và các lãnh đạo phải cẩn thận kê khai các

của cái trong đền thờ, nên không thể nào họ phạm sai lầm lớn như vậy. Câu 1:10, “một ngàn cái khí dụng khác” cho thấy câu 9-10 liệt kê nhiều vật dụng hơn và có giá trị hơn, trong khi nhiều vật dụng nhỏ hơn không được kể ra.

Các lãnh đạo (2:1-2). Từ một danh sách tương đồng trong Nê-hê-mi 7, chúng ta phải thêm tên Na-ha-ma-ni (2:7), đưa tổng số lên 12 người, mỗi người một chi phái. Nê-hê-mi trong câu 2 không phải là người xây lại các vách thành Giê-ru-sa-lem, vì mãi cho đến năm 444 ông mới xuất hiện. Mạc-đô-chê ở đây không phải là Mạc-đô-chê của sách Ê-xơ-tê. “Giê-sua” là thầy tế lễ cả Giê-sua, được đề cập 23 lần trong các sách hậu lưu đây. Ông ta giữ vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo dân sót và sát cánh cùng quan trấn thủ Xô-rô-ba-bên.

Về mặt địa lý, Vương Quốc Phía Nam (Giu-đa) chỉ có chi phái Giu-đa và Bê-ni-gia-min; nhưng qua năm tháng, dân từ 10 chi phái còn lại đã di cư đến Giu-đa, vì vậy tất cả 12 chi phái đều có mặt trong cuộc lưu đày. Kinh Thánh không nói gì về “mười chi phái lạc mất”; dường như tất cả 12 chi phái đều được kể đến (Gia 1:1 Cong 26:7).

Mọi việc trong công tác của Đức Chúa Trời thăng trầm với các cấp lãnh đạo. Khi Đức Chúa Trời muốn làm một việc gì đó, Ngài kêu gọi những người biết tận hiến để khuyến khích dân sự và hướng dẫn họ. Sự sa sút trong phẩm chất của các lãnh đạo một đất nước là dấu hiệu cho thấy sự rắc rối trước mắt. Nhà văn tiểu luận người Anh, Walter Savage Landor viết, “Khi một người nhỏ bé trải dài cái bóng của mình, đó là dấu hiệu mặt trời sắp lặn.”

Các gia đình và cho tộc (Exo 2:3-25). Những danh sách dài lê thê liệt kê các tên nhân vật, và có cả những bảng gia phổ, trong Kinh Thánh có thể không làm một người bình thường lưu tâm, nhưng chúng rất quan trọng đối với lịch sử của dân sự Đức Chúa Trời. Trừ phi có sự thừa kế, hầu hết con người ngày nay quan tâm đến hành vi của con cháu họ hơn là huyết thống của các tổ phụ mình; nhưng điều đó không đúng với dân Do Thái trong Cựu Ước. Đối với họ, rất cần phải chứng minh tổ tiên của mình với nhiều lý do.

Trước hết, nếu bạn không chứng minh được tổ tiên của bạn, bạn không thể có được những quyền hạn và đặc ân của dân Do Thái, mà chúng thì rất là nhiều. Dân Y-sơ-ra-ên là dân giao ước mang theo mình một trọng trách Đức Chúa Trời giao phó mà phải làm trọn nó trên đất, và họ không thể để người ngoài mua chuộc họ. Hơn nữa, dân Do Thái trở về Giu-đa không thể đòi lại tài sản của dòng họ mình nếu họ không chứng minh được dòng dõi của họ. Dĩ nhiên, các thầy tế lễ và người Lê vi càng phải chứng minh được tổ phụ của họ; nếu không họ không thể phụng sự trong đền thờ hay chia xẻ những lợi ích trong chức vụ đó, như của dâng phần mười, các của lễ và những phần được chia cho trong các của lễ.

Trong các câu từ 3-20, tên của 18 dòng họ Do Thái được liệt kê, tổng cộng có 15.604 người. Khi họ kiểm tra dân số, dân Do Thái thường đếm những người nam từ 20 tuổi trở lên (Dan 1:1-4); nhưng chúng ta không chắc cách này có được áp dụng ở đây hay không. Trong Exo 1:21-35, những người nam được kể theo 21 thành và làng, tổng cộng là 8.540 người. Chúng ta không biết tên tất cả 24.144 người nam này, nhưng họ rất quan trọng với Đức Chúa Trời và tương lai của đất nước và nhiệm vụ của nó đối với thế gian.

Các thầy tế lễ và người Lê-vi đặc biệt quan trọng đối với đất nước (c.36-42), vì không có họ, sẽ không có lý do gì để xây lại đền thờ. Bốn nhóm thầy tế lễ tổng cộng

4.289 người, họ sẽ được giao việc từ 341 người Lê-vi, một số người giữ nhiệm vụ giữ cổng và trong ban hát. Người Lê-vi cũng phân công các thầy tế lễ dạy luật pháp Đức Chúa Trời cho dân sự (Phu 33:8-10 Ne 8:5-8).

392 “Nê-thi-nim” (Exo 2:43-54) và “con cháu của các tô-tớ Sa-lô-môn” (c.55-58) là những người phục dịch trong đền thờ, họ không phải là thầy tế lễ hay người Lê-vi. Trong tiếng Hy-bá-lai, “Nê-thi-nim” có nghĩa là “những người lệ thuộc” và dường như chỉ về những tù binh chiến tranh, họ được đem giao cho các thầy tế lễ để được sai làm những việc lặt vặt trong đền thờ. (Gios 9:23,27 Dan 31:30,47) “Những đầy tớ của Sa-lô-môn có thể là những nhóm người này, được thiết lập trong thời trị vì của Sa-lô-môn. Tám mươi năm sau, E-xơ-ra đã phải cử nhiều người Lê-vi và Nê-thi-nim giúp đỡ chức việc trong đền thờ (Exo 8:15-20).

Người bị loại ra (2:59-63). Có 652 người không thể chứng minh tổ phụ họ là người Do Thái. (Các thị trấn được đề cập là ở Ba-by-lôn, không phải thuộc về Giu-đa.) Xô-rô-ba-bên và Giê-sua không đuổi những người này trở về nhà, nhưng dành cho họ những quyền hạn của “người khách lạ và người ngoại bang” (Xu 22:21,24 23:9 19:33-34 Phu 10:18 14:29).

Chúng ta không biết bao nhiêu thầy tế lễ không được công nhận, nhưng chúng ta biết họ bị truất khỏi chức tế lễ. Chắc chắn một số người nghĩ rằng họ có thể làm chức tế lễ để có cuộc sống dễ dàng hơn ở Giê-ru-sa-lem, nhưng Xô-rô-ba-bên khước từ họ. Đức Chúa Trời nói rõ rằng bất kỳ người ngoài nào bị xui đến gần bàn thờ sẽ bị tội chết (Dan 1:51 3:10). Những người này bị đối xử như “những người khách lạ” và cho họ đi theo nhưng quan trấn thủ [6]. Xô-rô-ba-bên không cho họ những đặc ân của chức tế lễ cho đến khi họ được thử bằng “U-rim và Thu-min”. [7] Đây là cách thầy tế lễ cả được phép sử dụng để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời (Xu 28:30 Dan 27:21).

Tổng số (Exo 2:64-67). Tổng số mà E-xơ-ra đưa ra (42.360) nhiều hơn 12.542 người so với con số mà bạn cộng được từ những con số được đưa ra trong đoạn này. Nê-hê-mi cũng đưa ra con số 42.360 (Ne 7:66). Tuy nhiên, khi đưa ra danh sách này, E-xơ-ra không nói rằng những nhóm người này đại diện cho tất cả những người rời Ba-by-lôn, và chúng ta cũng không biết có bao nhiêu người thêm vào sau khi danh sách này được viết xong. Có thể ông chỉ đếm những người thuộc chi phái Giu-đa và Bên-gia-min, nên có sự sai biệt do có những người từ 10 chi phái còn lại.

Chúng ta biết 7.337 đầy tớ, cả nam và nữ, cùng đi với các chủ người Do Thái của mình. Rõ ràng họ thích sống với người Do Thái hơn. Số lượng các đầy tớ chiếm 1/6 tổng số cho thấy được rằng ở Ba-by-lôn một số người Do Thái đã trở nên giàu có.

Hai trăm người hát xướng (Exo 2:65) không phải là một phần trong chức vụ trong đền thờ nhưng là “ban hát cố định” để lo việc hát xướng trong những dịp lễ lạc và đám cưới (IISu 35:25). Từ thời Xuất Ai-cập (Xu 15), dân Do Thái đã sáng tác những bài hát ngợi khen Đức Chúa Trời và kỷ niệm những ơn phước trong cuộc đời. Hơn chục loại nhạc cụ được nhắc tên trong Kinh Thánh. Bị lưu đày ở Ba-by-lôn họ không có thời gian để hát xướng (Thi 137:1-4), nhưng giờ đây dân Do Thái đang “trở về nhà”, họ có thể cất tiếng hát.

Exo 2:1-67 xem giải nghĩa Exo 1:1-11

3. Sự xây lại đền thờ (Exo 2:68-3:13)

E-xơ-ra không viết gì về hành trình dài khi trở về (900 dặm) hay những gì dân Do Thái kinh nghiệm được trong 4 tháng vất vả đó. Nó nhắc chúng ta nhớ sự mô tả của Môi-se về hành trình của Áp-ra-ham và Sa-ra: “đi đến xứ Ca-na-an; rồi, chúng đều đến xứ Ca-na-an” (Sa 12:5). Alexander Maclaren nói, “Đây là một bài tường thuật kỳ lạ về một hành trình, nó bỏ qua hành trình và những dấu vết của nó, nhưng nó có bắt đầu và kết thúc. Đây có phải là những thời điểm quan trọng trong mỗi cuộc đời, phương hướng của nó và đích đến của nó? [8]

Đầu tư vào công việc (Exo 2:68-70). Chắc chắn đây là lời tạ ơn dâng lên Đức Chúa Trời vì một hành trình bình an. Dân sự dâng các của lễ của họ cách vui lòng và tùy theo khả năng, đó là cách dân sự của Đức Chúa Trời cần có hiện nay (IICo 8:8-15 9:6-15). Theo Ne 7:70-72, cả những lãnh đạo các chi phái và quan trấn thủ Xô-rô-ba-bên đều dâng rời rộng, và dân thường đều noi theo gương của họ.

Lập bàn thờ (Exo 3:1-3). Tháng thứ bảy sẽ là tháng Tishri, tháng 9 –10 của chúng ta, một tháng rất thiêng liêng đối với người Do Thái (Le 23:23-44). Nó mở đầu bằng Lễ Thối Kèn; Đại lễ Chuộc Tội trong ngày 10, và từ ngày 15 đến ngày 21, họ kỷ niệm Lễ Lều Tạm. Nhưng điều đầu tiên thầy tế lễ và Giê-sua làm là khôi phục bàn thờ để ông có thể dâng của tế lễ cho dân sự. Dân sự sợ các nước mạnh xung quanh họ phần nộ vì sự trở về của họ, và họ muốn chắc rằng họ đang làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Một lần nữa chúng ta thấy sự tương đồng với Áp-ra-ham, ông ta đã dựng bàn thờ khi vừa đặt chân đến xứ Ca-na-an (Sa 12:7). Đây là hình ảnh Cựu Ước trong Mat 6:33.

Giê-sua cũng khôi phục các sự dâng tế lễ khác trong qui định của Luật Pháp, trong đó có của của lễ thiêu mỗi sáng, mỗi tối và những của lễ khác trong những ngày đặc biệt. Không cần phải chờ đến khi đền thờ được hoàn tất mới dâng của lễ cho Đức Chúa Trời. Miễn là có bàn thờ để dâng tế lễ và một thầy tế lễ đủ tư cách, các của lễ có thể được dâng lên cho Đức Chúa Trời. Xét cho cùng, không phải những trang sức bề ngoài, nhưng là tấm lòng là điều Đức Chúa Trời quan tâm hơn hết (ISa 15:22 Thi 51:16-17 Os 6:6 Mac 12:28-34).

Đặt nền (Exo 3:7-13). Đến tháng thứ hai của năm sau công việc mới bắt đầu, vậy có nghĩa là họ bỏ ra gần 7 tháng để gom góp vật liệu và chuẩn bị khởi công. Sa-lô-môn cũng khởi công đền thờ ban đầu vào tháng thứ hai (IVua 6:1), và ông đã tập trung nguyên vật liệu bằng nhiều cách (Exo 3:7 IVua 5:6-12). Giê-sua và Xô-rô-ba-bên có trách nhiệm trong dự án này, theo sự phân công của người Lê-vi. “Nếu các nền bị phá đổ, người công bình sẽ làm sao?” (Thi 11:3); chỉ có một câu trả lời duy nhất: lập lại nền! Đó là tất cả những gì cần nói về sự phục hưng thuộc linh, lập lại nền cho đời sống Cơ Đốc và bảo đảm rằng chúng vững vàng: ăn năn xưng tội, cầu nguyện, Lời Đức Chúa Trời, sự vâng phục, và đức tin.

Lưu ý sự nhấn mạnh đến tính hiệp một. Dân sự hiệp lại với nhau (Exo 3:1); các công nhân sát cánh bên nhau (c.9); người Lê-vi cùng nhau hát ngợi khen (c.11); và lúc nào dân sự cũng cùng hợp sức để lập nền đền thờ. Mỗi người có công việc khác nhau, nhưng họ có chung một mục tiêu phía trước: làm vinh hiển Đức Chúa Trời qua sự xây lại đền thờ. Đây là những gì Phao-lô nghĩ đến khi ông viết, “anh em hãy hiệp ý với nhau, đồng tình yêu thương, đồng tâm, đồng tư tưởng mà làm cho tôi vui mừng trọn vẹn” (Phi 2:2).

Theo gương Đa-vít, khi ông đem hòm giao ước về Giê-ru-sa-lem (I Sứ ký 16), và Sa-lô-môn khi cung hiến đền thờ (IISu 7:1-3), các thầy tế lễ và người Lê-vi đã hát ngợi

khen Đức Chúa Trời, kết hợp với kèn đồng và chập chỏa; dân sự hưởng ứng bằng tiếng hô vang. (Thi 47:1 106:1 107:1 118:1-4 135:3 136:1-26 145:1-11.) Dân sự đồng lòng và chung tiếng ca khen Đức Chúa Trời vì sự nhân lành của Ngài đối với họ.

Nhưng trong thời điểm này, sự “đồng lòng” của họ bị gián đoạn khi những người trẻ tuổi hô vang vì vui mừng và những người già bật khóc lớn tiếng. Tại sao họ khóc trong dịp vui như vậy? Vì họ từng nhìn thấy đến thờ ban đầu trước khi nó bị sụp đổ hơn 50 năm trước, và công trình mới không thể nào sánh kịp. (A-ghê có một bài giảng về điều này.(Ag 2:1-9). Những người già tin kính này ao ước sự tốt đẹp của ngày xưa, nhưng chính vì tội lỗi của thế hệ họ mà đất nước sụp đổ tan tành! Nếu thế hệ của họ nghe theo tiên tri Giê-rê-mi và vâng Lời Đức Chúa Trời, Giê-ru-sa-lem và đền thờ vẫn còn vững chãi.

Thật đáng tiếc, khi sự hiệp một của dân sự Đức Chúa Trời tan vỡ vì các thế hệ có những cái nhìn khác nhau. Người già thì nhìn lại quá khứ với niềm khát khao trong khi người trẻ thì nhìn xung quanh hiện tại với sự vui mừng. Tất cả họ nên nhìn lên và ngợi khen Đức Chúa Trời vì việc Ngài đã làm trọn. Chấn chấn chúng ta không thể quên quá khứ, nhưng quá khứ phải là bánh lái để hướng chúng ta đi không phải là cái neo giữ chúng ta lại. Dân sự của Đức Chúa Trời là một gia đình, không phải một quyển album của gia đình đầy ắp những hình ảnh ngày xưa; họ là một khu vườn, không phải là một nghĩa địa với đầy dẫy bia kỷ niệm về những thành công trong quá khứ.

Chúng ta có những bất đồng giữa các thế hệ trong Hội Thánh ngày nay, nhất là với những vấn đề về cung cách thờ phượng. Những tín hữu lớn tuổi thích hát những bài thánh ca truyền thống với nội dung đầy tính giáo lý, nhưng người trẻ tuổi trong Hội Thánh muốn sự thờ phượng mang tính hiện đại hơn. Nhưng chấp nhận cái này và phủ nhận cái kia không phải là vấn đề, trừ phi bạn muốn chia rẽ gia đình và phân rẽ Hội Thánh. Đây là vấn đề về sự cân bằng: người lớn tuổi phải học hỏi từ người trẻ tuổi và ngược lại, trong tinh thần yêu thương và đầu phục (IPhi 5:1-11). “Nhưng mỗi người (người trẻ và người già) nên tìm hiểu cảm giác của nhau,” Alexander Maclaren nói. “Người lớn thường nghĩ người trẻ đang cánh mạng và bất kính; người trẻ thì bảo người già cổ lỗ. Vẫn có thể hiệp nhất tiếng cười và tiếng khóc. Nếu tinh thần chuộng cái cũ không điều khiển những bước tiến bộ của thời đại ngày nay, họ sẽ không đặt một nền móng vững vàng cho đền thờ trong tương lai. Chúng ta muốn người già và người trẻ hợp sức bên nhau, nếu công việc phải kéo dài và đền thánh phải đủ rộng để ôm trọn tất cả những tính cách và tư tưởng.” [9]

Mỗi Hội Thánh địa phương chỉ là một thế hệ đầy sức sống. Nếu người già không khuyên nhủ, trang bị cho lớp trẻ và làm gương tốt trước mặt chúng (Tit 2:1-8 ITi 5:1-2), tương lai của Hội Thánh lâm nguy. Hội Thánh là một gia đình; khi một gia đình lớn lên và trưởng thành, một số điều phải tàn lụi nhường chỗ những điều khác. Điều này xảy ra trong những gia đình của chúng ta và phải xảy ra trong nhà của Đức Chúa Trời. Đối với một số người, “thay đổi” là từ đồng nghĩa với “thoả hiệp”, nhưng ở đâu có tình yêu thương, thì “thay đổi” trở thành đồng nghĩa với “hợp tác với nhau và quan tâm đến nhau.”

“Kìa, anh em ăn ở hòa thuận nhau, thật tốt đẹp thay!” (Thi 133:1)

Exo 2:68-70; xem giải nghĩa Exo 2:1-67

Exo 3:1-13; xem giải nghĩa Exo 2:1-67

2. SỰ THÀNH TÍN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Exo 4:1-6:22)

“Vậy nên, phải nhận biết rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, ấy là Đức Chúa Trời, tức Đức Chúa Trời thành tín” (Phu 7:9). Môi-se đã nói điều đó với thế hệ mới của Y-sơ-ra-ên trước khi họ bước vào Ca-na-an, một lẽ thật mà họ cần biết khi họ đương đầu với kẻ thù và giành lấy sản nghiệp. Nhưng thế hệ mới và những thế hệ cũ đều cần được nhắc rằng Đức Chúa Trời là thành tín.

“Đấng đã gọi anh em là thành tín, chính Ngài sẽ làm việc đó” (ITe 5:24). Phao-lô viết điều đó cho những Cơ Đốc Nhân trẻ ở Tê-sa-lô-ni-ca, họ đang bị bắt bớ vì đức tin mình. Họ cần được nhắc rằng Đức Chúa Trời có mạng lệnh cho họ, thì Ngài cũng ban năng lực để họ thực hiện được.

A.W.Tozer nói, “Đức Chúa Trời là Đấng Ngài là, không thể nào thay đổi. Ngài không thể hành động khác với bản tánh của Ngài. Ngài là thành tín và không hề thay đổi, nên tất cả những lời Ngài và hành động của Ngài phải thành tín và luôn thành tín.” [10]

J.Hudson Taylor, nhà truyền giáo tiên phong ở Trung Hoa đại lục, mô tả một đời sống Cơ Đốc thành công “không phải là sự tranh chiến để có đức tin ... nhưng nhìn xem Đấng Thành Tín...” [11] Ông ta biết câu nói của Phao-lô: “Nếu chúng ta không thành tín, song Ngài vẫn thành tín, vì Ngài không thể tự chối mình được” (ITi 2:13).

Dân sót Do Thái đã trở về Giê-ru-sa-lem để xây lại đền thờ, tức họ đang nương cậy sự thành tín của Đức Chúa Trời đoái đến họ. Nếu Đức Chúa Trời không thành tín với giao ước của Ngài và những lời hứa của Ngài, thì không có một hy vọng nào. Nhưng Đức Chúa Trời là Đấng kêu gọi họ sẽ thành tín giúp họ làm trọn công việc của Ngài (Phi 1:6), miễn là họ tin cậy và vâng theo Lời Ngài.

Trong ba đoạn Kinh Thánh này, chúng ta thấy Đức Chúa Trời thành tín thế nào đối với dân sự Ngài trong mỗi giai đoạn của công việc họ làm cho Ngài.

1. Giai đoạn một: công việc bị chống đối (Exo 4:1-24)

Từ ban đầu, dân sót đã phải đối diện với sự chống đối từ các dân cư tạp chủng trong xứ, những dân này không muốn dân Do Thái định cư ở Giê-ru-sa-lem và xây lại đền thờ. Cơ hội và sự chống đối luôn đi đôi với nhau; cơ hội càng cao, sự chống đối càng nhiều. “Vì tại đó có một cái cửa lớn mở toang ra cho công việc tôi, lại có nhiều kẻ đối địch” Phao-lô nói (ICo 16:9).

Sự cộng tác dẫn đến sự thỏa hiệp (Exo 4:1-3). Sự công kích đầu tiên của kẻ thù rất tinh vi: dân Sa-ma-ti, cư dân cũ của Vương Quốc Phía Bắc, đề nghị được góp sức xây cất đền thờ. Những người này nhận rằng họ cũng thờ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nên không gì bất hợp lý nếu họ được phép chia xé công việc với Y-sơ-ra-ên. Bề ngoài, những người Sa-ma-ri này tỏ ra là những người láng giềng tốt, nhưng đề nghị của họ đầy xảo quyệt và nguy hiểm.

Người Sa-ma-ri, là dân tạp giữa nhiều chủng tộc, không phải là dân Do Thái thật. Khi A-si-ri đánh chiếm Vương Quốc Phía Bắc, họ đã cố tình cho tất cả các dân mà họ đã đánh bại sống chung; và điều này dẫn đến sự pha trộn chủng tộc và tôn giáo (IIVua 17:24-41). Người Sa-ma-ri không thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, vì họ “kính sợ Đức Giê-hô-va, song cũng hầu việc các thần mình” (17:33 Gi 4:22). Các lãnh đạo Do Thái đã khước từ những người Do Thái tự xưng, là những người đang bị

lưu đầy ở Ba-by-lôn (Exo 2:59-63), nên họ không thể nào chấp nhận những người trong xứ, là những người hoàn toàn không thuộc về dân giao ước và không thể chứng minh nguồn gốc Do Thái của họ.

Tại sao đề nghị của người Sa-ma-ri nguy hiểm như vậy? Vì nếu những người ngoài này lẫn vào dân sót trong khi giúp xây dựng đền thờ, thì trước sau hai nhóm người này cũng hòa nhập xã hội và rồi kết hôn với nhau; điều đó trái với Luật Pháp Môi-se (Xu 34:10-17 Phu 7:1-11 12:1-3). Y-sơ-ra-ên là một dân biệt riêng với các dân khác (Dan 23:9), vì Đức Chúa Trời ban cho họ một nhiệm vụ đặc biệt để thực hiện trong thế gian (Sa 12:1-3). Nếu trong bất cứ cách nào, dân Y-sơ-ra-ên bị sa sút, thì sự thành công trong công việc Đức Chúa Trời giao phó sẽ bị nguy hiểm.

Dân sự của Đức Chúa Trời ngày nay phải giữ vị trí tách biệt và không liên hệ với bất cứ điều gì có thể làm họ thỏa hiệp địa vị được xác nhận của mình và gây trở ngại cho công việc Chúa (II Co 6:14-7:1 ITi 2:3-5).

Tuy nhiên, sự tách biệt đó không bao giờ được trở thành sự cô lập (ICo 5:9-10) vì Đức Chúa Trời có một nhiệm vụ cho các tín hữu thực hiện trong thế gian (Mat 5:13-16 Gi 17:14-18). Chúa Giê-xu là “thánh khiết, không tội, không ô uế, biệt khỏi kẻ có tội” (He 7:26); nhưng Ngài cũng là bạn của các tội nhân và tìm cách chinh phục họ trở về (Lu 15:1-2 Mat 9:10-11 11:19). Dân sự của Đức Chúa Trời tách biệt khỏi thế gian để họ có thể làm một nhân chứng với thế gian.

Sự kết tội gây ra sự sợ hãi (Exo 4:4-5,24). Sa-tan đã đến như rắn lục để lừa gạt (II Co 11:3) và đã thất bại; giờ nó đến như con sư tử để cắn xé (I Phi 5:8), và nó đã thành công. Kẻ thù nói dối về dân Do Thái và xúi giục dân trong xứ làm mọi cách để làm nản lòng các công nhân và gây cản trở công việc. Họ đã mướn những người cố vấn đến xúi các quan chức địa phương ngăn chặn dự án, và họ thành công.

“Vậy, công việc xây cất nhà của Đức Chúa Trời tại Giê-ru-sa-lem bị đình lại” (Exo 4:24). Lúc này là thời trị vì của Si-ru (559-530), vị vua đã cho phép dân Do Thái trở về xứ và xây lại đền thờ. Từ 536-530, công việc được tiến hành; nhưng năm 530, nó bị ngưng lại và mãi cho đến năm 520, khi vua Đa-ri-út làm vua, công trình xây dựng ấy mới được tiếp tục thực hiện lại. Sự gián đoạn này không phải do vua ra lệnh chống đối họ, nhưng vì dân sót Do Thái sợ các cư dân trong xứ. Dân Do Thái bắt đầu quan tâm đến nhà riêng của mình hơn nhà của Đức Chúa Trời (Ag 1:1-11).

Sự chống đối khác đối với công việc Đức Chúa Trời (Exo 4:6-23;). Ở đoạn thuật này (c.6-23), E-xơ-ra ghi lại những trường hợp khác về sự công kích vào công việc xây dựng, kể cả những sự kiện xảy ra trong thời vua Đa-ri-út, trị vì từ năm 522-486 (c.5,24); A-suê-ru (c.6) là vua được nói đến trong sách Ê-xơ-tê và trị vì từ 486-465; A-ta-xét-xe đệ I (c.7-23), trị vì từ 465-424. Các tác giả cổ thường tóm tắt những sự kiện lịch sử theo cách này trước khi kết thúc bài viết của mình. Dĩ nhiên, mối quan tâm chính của E-xơ-ra không phải là sự chống đối trong khi đền thờ đang được xây lại trong thời Si-ru và Đa-ri-út. Phần xen vào khá dài này trong câu 6-23 nói đến sự xây lại thành (c.12) mà không phải đền thờ. Đây là bằng chứng thêm rằng bất cứ khi nào dân sự của Đức Chúa Trời cố gắng phục vụ Đức Chúa Trời, thì có một người nào đó sẽ chống đối họ. [12]

Trong năm thứ bảy đời A-ta-xét-xe đệ I (458-457), E-xơ-ra dẫn một nhóm dân Do Thái tự do trở về Giê-ru-sa-lem để bắt đầu xây lại thành (Exo 7:1). Các vua Đông Phương thường nhờ những quan chức địa phương dò thám và báo cáo tình hình khả

ngghi xảy ra trong nước mình. Rê-hum đưa ra bốn lý do để vua phải ra lệnh ngưng việc xây lại Giê-ru-sa-lem. Thứ nhất, lịch sử cho thấy rằng Giê-ru-sa-lem thật là “thành phần nghịch và gian ác”; đáng tiếc, điều này là sự thật mà dân Do Thái không thể phủ nhận. Nếu Giê-ru-sa-lem được khôi phục, Rê-hum lý luận, nó sẽ chống lại vua và tuyên bố độc lập (4:12). [13] Bao lâu Giê-ru-sa-lem còn đổ nát, nó không thể chống lại những lực lượng của vua.

Thứ hai, một nước Giu-đa độc lập có nghĩa là đế quốc này mất thu nhập và triều cống hàng năm (c.13); [14] nhưng, thứ ba, sự phản nghịch thành công cũng sẽ làm vua mất mặt. Lẽ nào vua muốn một trong các tỉnh của mình thành công trong việc chống lại mình? Đây có thể là động cơ thúc đẩy các tỉnh khác bắt chước theo họ. Cuối cùng, nếu dân Do Thái thành công trong việc xây dựng và phản nghịch, họ chắc chắn sẽ chiếm toàn bộ lãnh thổ đến sông Ơ-phơ-rát (c.16), và điều này gây tổn hại đến vua và đế quốc của mình.

Các vị quan của vua tra xem những văn khố và thấy quả đúng là dân Do Thái từng được các vua tài giỏi cai trị (Đa-vít, Sa-lô-môn, Giô-sia, Ê-xê-chia) và cũng có các vua phản nghịch, nên những lời cáo buộc của Rê-hum là đúng. Trong suốt những năm suy tàn của nước Giu-đa, các vua của họ đã lập và vi phạm thỏa ước với Ai-cập, A-si-ri và Ba-by-lôn. Văn thư lưu trữ của họ cho họ biết điều đó.

Vua ra lệnh dân Do Thái phải ngưng việc xây lại thành. Thật sự điều đó giống như dân Phe-rơ-sơ phá hỏng công việc mà dân Do Thái đã hoàn thành, bản báo cáo mà Nê-hê-mi nhận được từ một anh em mình cho thấy những việc dân Phe-rơ-sơ đã làm, không phải những việc Ba-by-lôn đã làm (Ne 1:1-3). Mãi cho tới khi Nê-hê-mi về đến vào năm 445, công việc mới được bắt đầu lại và các vách thành được xây xong và các cửa thành được phục hồi.

2. Giai đoạn hai: Công việc được bắt đầu lại (Exo 4:1-24) (Exo 5:1-6:12)

Từ năm 530 đến 520, dân Do Thái tập trung xây dựng nhà riêng của họ, bỏ quên nhà của Đức Chúa Trời. Chúa đã sửa phạt dân sự Ngài để khuyên họ vâng theo những mệnh lệnh của Ngài (Ag 1:6), nhưng họ không nghe theo. Đức Chúa Trời đã dùng cách gì để công việc được bắt đầu trở lại?

Đức Chúa Trời dùng những người rao giảng Lời Ngài (Exo 5:1-2). Thế giới được dựng nên bởi Lời phán của Đức Chúa Trời (Thi 33:6-9), cũng chính Lời đó, Đức Chúa Trời cai trị tạo vật của Ngài và dân sự Ngài (33:10-11). Lịch sử Hội Thánh cho thấy rằng khi Đức Chúa Trời muốn cảnh tỉnh dân sự Ngài để họ làm theo ý muốn của Ngài, Ngài kêu gọi người để công bố Lời của Ngài. Sự rao giảng của Martin Luther dẫn đến điều mà chúng ta gọi là “Sự Cải Chính” là một phong trào không chỉ diễn ra ở nước Đức mà còn trên toàn thế giới. Sự rao giảng của John Weley làm thức tỉnh thuộc linh ở Anh Quốc, và sự kiện đó đã đem rất nhiều người vào vương quốc của Đức Chúa Trời. Những sử gia cho chúng ta biết rằng Sự Phục Hưng của Wesley cứu nước Anh thoát khỏi một cuộc tắm máu mà nước Pháp đã kinh nghiệm trong suốt Cuộc Cách Mạng Pháp.

Đừng bao giờ đánh giá thấp sức mạnh của sự rao giảng trung thực Lời Đức Chúa Trời. Charles Spurgeon, một nhà truyền giáo người Anh đầy nhiệt huyết, nói, “Tôi không thể không nghĩ rằng người truyền giảng Lời Đức Chúa Trời không chỉ đang đứng trên bục giảng mà còn ngồi trên ngai vàng.” [15]

A-ghê bắt đầu chức vụ rao giảng Lời Đức Chúa Trời vào ngày 29, tháng 8 năm 520 (Ag 1:1), và năm sứ điệp của ông được chép trong sách mang tên ông. Một hoặc hai tháng sau đó, ông được sự hợp tác của một thanh niên tên Xa-cha-ri, một thầy tế lễ được Đức Chúa Trời gọi làm tiên tri (Xa 1:1). Hai người này đã rao truyền lời của Đức Chúa Trời cho các lãnh đạo và dân sót, “các trưởng lão của dân Giu-đa bắt tay cất lại đền thờ, công việc được may mắn, y lời tiên tri của tiên tri A-ghê, và của Xa-cha-ri” (Exo 6:14).

Bất kỳ công việc nào của Đức Chúa Trời mà không được xây dựng trên Lời Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ thành công. Sự thành công của Môi-se khi lãnh đạo Y-sơ-ra-ên đến từ đức tin và sự vâng phục của ông nơi Lời Đức Chúa Trời (Phu 4:10). Sự thành công của Giô-suê khi chinh phục các kẻ thù trong xứ Ca-na-an là nhờ sự tận tụy của ông với Lời Đức Chúa Trời (Gios 1:8). Khi chúng ta vâng theo Lời Đức Chúa Trời, chúng ta có thể mong đợi “phần thưởng lớn” (Thi 19:11). Nếu chúng ta muốn biết quyền năng của Đức Chúa Trời, chúng ta cũng phải biết Lời Đức Chúa Trời (Mat 22:29)

Đức Chúa Trời dùng những quan chức địa phương (Exo 5:3-17). Là một quan tổng đốc một tỉnh của Giu-đa, Tát-tê-nai quan tâm đến việc dân Do Thái đang làm ở Giê-ru-sa-lem. Trách nhiệm của ông là bảo vệ quyền lợi của vua Đa-ri-út và ích lợi của đế quốc và quan tâm đến nền hòa bình và an ninh của nó. Vì vậy, khi dự án xây đền thờ của dân Do Thái được bắt đầu lại, Tát-tê-nai đến kiểm tra và hỏi hai câu hỏi (1) “Ai ban lệnh cho các người cất cái đền này?” và (2) “Tên của những người đang xây đền thờ?”

Người Do Thái không xem vị quan Phe-rơ-sơ này là kẻ gây rối, nhưng nhẹ nhàng trả lời hai câu hỏi của ông ta. Nói cho cùng, họ không có gì phải giấu, mất Đức Chúa Trời đang đoái xem họ. Đức Chúa Trời lo liệu để cho công việc ấy được tiếp tục trong khi Tát-tê-nai tâu lên vua để xin ý chỉ.

Dân sự Đức Chúa Trời phải “Hãy lấy sự khôn ngoan ăn ở với những người ngoại” (Co 4:5) và “ăn ở với người ngoại cách ngay thẳng” (ITe 4:12), nếu không chúng ta không thể làm một chứng nhân có kết quả ở những nơi rất cần chứng nhân của Đức Chúa Trời. “Mọi người phải vâng phục các đấng cầm quyền trên mình; vì chẳng có quyền nào mà không đến bởi Đức Chúa Trời, các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chỉ định” (Ro 13:1 IPhi 2:11-17). Đối các cấp chính quyền dân sự, khi nói về mối quan hệ của tín hữu, không có chỗ cho sự kiêu căng, kiện tụng, hay lừa gạt khi sốt sắng vì Đức Chúa Trời. Thậm chí khi chúng ta không đồng ý với các quan chức, chúng ta cũng có thể dùng lời hòa nhã đối đáp cùng họ (Da 1:3,6 Cong 4:19-20 5:29 IPhi 2:13-25).

Một trong những điều làm Tát-tê-nai lo lắng là cấu trúc của đền thờ, với những vách bằng khối đá lớn và gỗ. Nó trông giống một pháo đài hơn là một ngôi đền! Và công việc đang tiến triển quá nhanh đến nỗi ông nghĩ rằng dân Do Thái đang có kế hoạch nổi dậy phản nghịch.

Dân Do Thái biết lịch sử của họ và nói cho Tát-tê-nai biết đền thờ đã được xây dựng thế nào (“một vua sang trọng” đó là Sa-lô-môn) và tại sao đền thờ bị phá hủy. Họ kể lại vua Nê-bu-cát-nết sa đã bắt dân Do Thái lưu đày sang ba-by-lôn như thế nào, sau đó vua Si-ru cho phép họ trở về và xây lại đền thờ ra sao. Si-ru cũng trả lại những khí dụng trong đền thờ để chức vụ trong đền thờ được thiết lập lại theo Luật

Pháp Môi-se. Tất cả những điều đó là thật; các thư ký của vua có thể tra lại văn thư để biết rõ.

“Hãy giữ cho khéo về sự ăn ở của anh em, chớ xử mình như người đại dột, nhưng như người khôn ngoan. Hãy lợi dụng thì giờ” (Eph 5:15-16), người công nhân Do Thái tìm cách trả lời sao cho Đức Chúa Trời được vinh hiển. Họ không cố che giấu tội lỗi của đất nước mình (Exo 5:12) họ công khai cho biết rằng họ “vốn là kẻ tội tởm của Đức Chúa Trời, Chúa tể của trời và đất” (c.11). Cả trong lời nói và cách cư xử của mình, họ tỏ mình là một nhân chứng rõ ràng với viên quan lớn của Phe-rơ-sơ, và Đức Chúa Trời sử dụng ông ta để chứng thực họ có quyền xây đền thờ và được sự cho phép của vua!

Đức Chúa Trời sử dụng vua Đa-ri-út (6:1-12). Các thư ký của vua tra xem các bản văn lưu trữ và tìm được cuộn giấy mà Si-ru để lại, trong đó có chỉ dụ cho phép dân Do Thái trở về xứ mình. Nó cũng cho phép dân Do Thái xây lại đền thờ và còn có những giới hạn về kích thước của nó. [16] Si-ru cho phép dùng những khối đá lớn làm vách và hứa dùng ngân khố của hoàng gia trả cho mọi chi phí xây dựng. Ông cũng ban lệnh cho các quan chức địa phương cung cấp sức vật để làm của lễ dâng mỗi ngày. Động cơ của ông có thể là do ông muốn các thầy tế lễ cầu nguyện cho ông và cho con cái ông, nhưng dân sự của Đức Chúa Trời đương nhiên có nhiệm vụ phải cầu nguyện cho các bậc cầm quyền (ITi 2:1-4).

“Khá để cho quan cai của người Giu-đa và những người trưởng lão của chúng xây cất lại đền thờ của Đức Chúa Trời tại nơi cũ nó” (Exo 6:7) có nghĩa đen là “Đừng đến gần!” Các quan chức Phe-rơ-sơ và cả dân trong xứ không nên can thiệp vào, tốt hơn họ nên làm mọi thứ có thể để ủng hộ công việc này. Vua mô tả những hình phạt nặng nề sẽ đến trên những ai không vâng theo sắc lệnh của mình (c.11-12). Như vậy, cuộc thanh tra kết thúc khi vua ra lệnh ủng hộ dân Do Thái và cung ứng cho họ!

Nhưng giả sử dân sót Do Thái đã xúc phạm tỏ thái độ thách thức và khinh miệt Tát-tê-nai và những người đi theo ông ta? Thư của ông gửi đến các quan tổng trấn khác có thể không mang tính tích cực như vậy, và điều đó có thể đã làm thay đổi mọi thứ. Phe-e-rơ khuyên chúng ta đối đáp cách “hiền hòa và kính sợ” (IPhi 3:15) khi người chưa tin hỏi chuyện chúng ta, vì điều này làm vinh hiển Đức Chúa Trời và mở ra những cơ hội mới để làm chứng. Con mắt Đức Chúa Trời dõi theo dân sự Ngài khi họ phụng sự Ngài, nên chúng ta không cần lo sợ con người có thể làm gì chúng ta.

Exo 5:1-17; xem giải nghĩa Exo 4:1-24

Exo 6:1-12; xem giải nghĩa Exo 4:1-24

3. Giai đoạn ba: Công việc hoàn tất (Exo 6:13-22)

Ngày 12 tháng cuối cùng của năm 515, đền thờ được xây xong, khoảng 70 năm từ khi nó bị sụp đổ dưới tay người Ba-by-lôn năm 586, và khoảng 5 năm rưỡi sau khi A-gê và Xa-cha-ri kêu gọi dân sự bắt tay lại với công việc này (5:1). Đức Chúa Trời thành tín chăm sóc dân sự Ngài. Ngài đã khích lệ họ qua sự rao giảng của các tiên tri và thậm chí còn dùng quyền lực và của cải của một vị vua ngoại bang để hỗ trợ cho công việc này.

Sự vui mừng trong sự cung hiến (6:13-18). Dù không có hòm giao ước trong nơi chí thánh, và không có sự nguy nga lộng lẫy, ngôi đền thờ được cung hiến [17] cho Đức Giê-hô-va bởi nó là nhà của Ngài, được xây vì sự vinh hiển của Ngài. Thay vì than

khóc vì những gì họ không có, họ đã vui mừng vì những gì họ có được, và đây luôn là thái độ của đức tin.

Khi vua Sa-lô-môn cung hiến đền thờ mà ông đã cho xây dựng, ông dâng vô số của lễ (IVua 8:5), cộng với 142,000 phần của dâng được chia cho dân sự (8:63). Dân sót Do Thái chỉ dâng 712 của tế lễ, nhưng Đức Chúa Trời chấp nhận chúng. Điều quan trọng nhất, họ đã dâng 12 con chiên đực làm của lễ chuộc tội, mỗi chi phái một con, vì họ muốn Đức Chúa Trời tha thứ những tội lỗi của họ và ban cho họ sự khởi đầu mới.

Thầy tế lễ cả Giê-sua cũng làm lễ phong chức cho các thầy tế lễ và người Lê-vi, giao cho họ những chức việc trong đền thờ mới. Đa-vít đã tổ chức các thầy tế lễ thành 24 ban để họ có thể phụng sự có kết quả (ISu 24:1-9). Không nhất thiết tất cả mọi người đều làm việc trọn thời gian, vì mỗi ban được giao nhiệm vụ một tuần tại đền thờ (Lu 1:5,8). Câu “y như đã chép trong sách của Mô-i-se” chỉ về sự phong chức của các thầy tế lễ, không phải về cách bố trí công việc của họ (Le 8:1-9:24).

Sự vui mừng trong sự kỷ niệm (Exo 6:19-22). Lễ Vượt Qua chỉ cách một vài tuần sau đó và dân Do Thái nhóm nhau lại trong gia đình mình để nhớ lại cách Đức Chúa Trời giải phóng họ khỏi ách nô lệ ở A-cập (Xu 12:1-50). Mỗi năm, người nam Do Thái buộc phải về Giê-ru-sa-lem ba lần để kỷ niệm Lễ Vượt Qua, Lễ Ngũ Tuần và Lễ Lều Tạm. Trong suốt những năm lưu đày, lòng của người Do Thái chắc khao khát lắm có được ngày tự do để trở về Thành Thánh và thờ phượng Đức Chúa Trời.

Các lãnh đạo mời gọi tất cả dân Do Thái và những người đã cải đạo cùng chung vui trong Lễ Vượt Qua, kể cả những người không thể chứng minh được nguồn gốc Do Thái của mình. Miễn là những người nam đã chịu phép cắt bì (Xu 12:43-49) tách mình khỏi sự thờ thần tượng của dân cư trong xứ, họ đều được tiếp đón. Thật đáng khen dân sót Do Thái, trong trường hợp này họ đã không phân biệt mình thánh khiết hơn những người khác.

Đền thờ đã được cung hiến, và giờ đây dân sự dâng chính mình cho Đức Chúa Trời. Trong suốt bảy ngày Lễ Bánh Không Men, dân Do Thái phải dẹp tất cả men khỏi nhà mình, hình ảnh về sự thanh tẩy cá nhân. Đối với người Do Thái, men tượng trưng cho sự xấu xa; nên Lễ Vượt Qua là thời gian dọn hết mọi sự xấu xa gian ác ra khỏi đời sống họ. Cung hiến đền thờ có ích gì khi bạn không có những con người biết dâng mình cho Đức Chúa Trời? Một lần nữa, sự thờ phượng của dân Do Thái được diễn ra ở Thành Thánh trong một ngôi đền thờ được phục hồi và đã được cung hiến cho Đức Chúa Trời. Chẳng ngạc nhiên sao dân sự vui mừng đến vậy! Và tất cả điều đó là vì sự thành tín của Đức Chúa Trời. Ngài “đổi lòng của vua” [18] để ủng hộ dân sự, và giờ đây công việc đã hoàn tất (Ch 21:1).

Bất kể hoàn cảnh của chúng ta ra sao, chúng ta có thể tin nơi sự thành tín của Đức Chúa Trời. “Sự thành tín Ngài là lớn lắm” chỉ là một câu trích (Ca 3:23) hay là một bài ca. Nó là một lẽ thật để tin và hành động theo, dù cuộc sống chúng ta có khó khăn đến đâu đi nữa.

“Tôi sẽ hát xướng về sự nhân từ của Đức Giê-hô-va luôn luôn;

Từ đời này sang đời kia miệng tôi sẽ truyền ra sự thành tín của Ngài.” (Thi 89:1)

3. TAY NHÂN LÀNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Exo 7:1-8:36)

Khi được hỏi những ông chủ, bà chủ thành đạt về “bí quyết” thành công của họ, câu trả lời của họ thường khác nhau và đôi khi còn trái ngược nhau. Một số người thành công sẽ đặt lòng tin nơi sự điều độ và tính kỷ luật của bản thân họ, trong khi những người khác tự hào rằng họ sống theo cách mà họ thích bất chấp người khác có thích nó hay không. “Tôi luôn giữ tính thanh liêm của mình” đối trọng với “Tôi đặt cách sống tôi lên đỉnh cao nếu không người khác sẽ giảm lên nó.”

Nhưng nếu chúng ta phỏng vấn E-xơ-ra và hỏi ông ta bí quyết của đời sống thành công của ông ta là gì, ông ta sẽ khiêm nhường nói rằng, “Tay nhơn lành của Đức Chúa Trời phù trợ,” [19] câu này được tìm thấy sáu lần trong E-xơ-ra 7 và 8 (7:6,9,28 8:18,22,31). Không có gì ngoài ơn phước của Đức Chúa Trời có thể giải thích được làm thế nào một thầy tế lễ và học giả vô danh, được sinh ra trong chốn lưu đày Ba-by-lôn, có thể thực hiện nhiều điều cho Đức Chúa Trời và Y-sơ-ra-ên trong khi có quá nhiều trở ngại như vậy.

Việc tay nhơn lành của Đức Chúa Trời phù trợ con người này không làm giảm đi tầm quan trọng của lòng trung thành và năng lực của ông ta với tư cách một học giả, cũng không làm lu mờ đi sự giúp đỡ to lớn của vua At-ta-xét-xe. [20] Đức Chúa Trời dùng tất cả mọi loại người để làm thành ý muốn của Ngài, nhưng nếu tay Đức Chúa Trời không hành động trong chúng ta và qua chúng ta, thì sẽ không có điều gì được thành tựu. Đây là nguyên tắc mà Chúa Giê-xu đã dạy cho các môn đồ Ngài, “Ngoài ta, các ngươi chẳng làm chi được” (Gi 15:5). Đức Chúa Trời đã làm gì cho dân Y-sơ-ra-ên trong những năm tháng khó khăn sau Sự Lưu Đày ở Ba-by-lôn?

1. Ngài dấy lên một lãnh đạo tin kính (Exo 7:1-6,10)

Vào năm 458 vua At-ta-xét-xe đệ I làm vua xứ Phe-rơ-sơ (465-424). Khoảng 60 năm đã trôi qua từ khi đền thờ Giê-ru-sa-lem được xây lại xong, dân sót Do Thái đang trong giai đoạn rất khó khăn. Và chính lúc đó Đức Chúa Trời đã dấy lên E-xơ-ra để dẫn nhóm người thứ hai từ Ba-by-lôn trở về mang theo họ là sự ủng hộ về tài chánh và thuộc linh cho công việc và giúp xây lại thành.

Mỗi một người đều quan trọng đối với Đức Chúa Trời và công việc Ngài, nhưng, như tiến sĩ Lee Roberson thường nói, “Mọi thứ thăng trầm theo người lãnh đạo.” Khi Đức Chúa Trời muốn giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi A-cập, Ngài dấy lên Môi-se và A-rôn. Khi Y-sơ-ra-ên bị chia rẽ và thất bại, Ngài kêu gọi Sa-mu-ên dạy Lời Đức Chúa Trời và Đa-vít làm vua. Richard Nixon nói rất đúng rằng các lãnh đạo là những người “làm thay đổi,” [21] và E-xơ-ra là người lãnh đạo như vậy.

Khi Đức Chúa Trời muốn đoán xét một đất nước, Ngài gọi đến họ những lãnh đạo tồi (Es 3:1-8); nhưng khi Ngài muốn ban phước cho họ, Ngài gọi đến họ những người giống như E-xơ-ra.

Dòng dõi cao trọng của ông (Exo 7:1-5). Có một số thầy tế lễ trong dân sót không thể chứng minh được dòng dõi của mình (2:61-63), nhưng E-xơ-ra không nằm trong số đó. Ông có một trong những giấy ủy nhiệm tốt nhất và có thể chứng minh rõ ràng dòng dõi mình và truy về đến A-rôn, thầy tế lễ đầu tiên. Một số nhà lãnh đạo thuộc linh nổi tiếng được kể tên trong bảng gia phổ này, như Hinh-kia, Xa-đốc, và Phi-nê-a. [22] Dĩ nhiên, được xuất thân từ một dòng dõi tin kính là một ơn phước như điều đó không đảm bảo cho sự thành công, nó chỉ là một khởi đầu tốt đẹp. Đức Chúa Trời hứa ban phước cho con cháu những người tin kính (Phu 4:40 Thi 128:1-6). Abraham Lincoln nói, “Tôi không biết ông nội của tôi là ai, tôi quan tâm cháu nội của ông ta sẽ

là gì.” E-xơ-ra biết tên của các tổ phụ mình và những việc họ đã làm, ông đã có di sản tốt nhất cho mình. Ông không lãng phí di sản thuộc linh giàu có mà họ đã để lại cho ông, nhưng sử dụng nó làm vinh hiển Đức Chúa Trời và phục vụ dân sự của Ngài. Thật bi kịch khi con cháu của những gia đình tin kính xây lưng với Đức Chúa Trời, sống bất tuân và phản nghịch (Cac 2:10-15).

Sự dũng cảm của ông (Exo 7:6). Bạn chắc không nghĩ rằng một thầy tế lễ và học giả như E-xơ-ra dám đến yết kiến một vị vua lớn và xin vua cho phép dẫn một nhóm người Do Thái bị lưu đày trở về Giê-ru-sa-lem. Hầu hết các học giả thích giấu mình và hạnh phúc với những quyển sách và những tư tưởng của họ, không muốn liên quan gì đến những vấn đề hàng ngày của cuộc sống. Một nhà thơ và giáo sư người Mỹ viết, “Học giả đào hầm ngà cho mình trong những đồng đồ nát của quá khứ và để cho những thất vọng của hiện tại cứ diễn ra.” Nhưng E-xơ-ra không phải hư vậy!

E-xơ-ra cẩn thận nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời để củng cố đức tin mình (Ro 10:17) và giúp ông hiểu được những hoạch định của Đức Chúa Trời cho dân sót Do Thái, ông muốn góp một phần trong những hoạch định đó. Chắc chắn ông không nghiên cứu Kinh Thánh Cựu Ước, ông cầu xin Đức Chúa Trời giúp dân sự Ngài; và Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu xin đó bằng cách kêu gọi ông trở về Giê-ru-sa-lem. Ngài ban cho E-xơ-ra lòng dũng cảm để đến gặp vua và vua chấp thuận những thỉnh cầu của ông.

Khi nhóm thứ nhất trở về Giê-ru-sa-lem năm 537, đó là do Đức Chúa Trời cảm động lòng Si-ru (Exo 1:1-4); nhưng giờ đây một tiên tri chậm chạp được Đức Chúa Trời sử dụng để đụng chạm đến tấm lòng của vua At-ta-xét-xe.

Khả năng đặc biệt của ông (7:10). Khi bạn nhớ E-xơ-ra sinh ra và lớn lên ở Ba-by-lôn, hẳn hẳn bạn rất khâm phục sự hiểu biết của ông về Kinh Thánh của Do thái. Một số thầy tế lễ đã đem theo những bản sao của cuộc sách Cựu Ước đến Ba-by-lôn, và chúng trở nên rất quý giá cho những lãnh đạo thuộc linh đang bị lưu đày này. Không có đền thờ Do Thái ở Ba-by-lôn, nên các thầy tế lễ và người Lê-vi không bị bắt buộc thực hiện chức vụ của mình, nhưng một số người trong số họ, như E-xơ-ra, đã tận tụy nghiên cứu và giảng dạy Lời Đức Chúa Trời. [23]

Khi nói đến mối tương giao của chúng ta với Lời Đức Chúa Trời, E-xơ-ra là một tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Ông là người có một tấm lòng sẵn sàng, miệt mài nghiên cứu Kinh Thánh. “Vì E-xơ-ra đã định chí tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va” (c.10). Ông chắc đồng ý với một tác giả Thi Thiên, “Tôi yêu mến luật pháp Chúa biết bao! Trọn ngày tôi suy gẫm luật pháp ấy” (Thi 119:97). Ngay cả vua cũng thấy và công nhận kiến thức uyên bác của E-xơ-ra về Kinh Thánh (Exo 7:11-14).

Nhưng E-xơ-ra không chỉ nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời; ông còn áp dụng lời ấy vào cuộc sống mỗi ngày của mình. Vâng theo Lời Đức Chúa Trời, không phải chỉ đọc hoặc nghe, chúng ta sẽ kinh nghiệm ơn phước (Gia 1:22-25). Con người này được ơn trong những việc ông ta làm không phải trong những gì ông ta nghĩ rằng mình biết. Nếu sự hiểu biết của chúng ta về lẽ thật không sinh ra sự vâng lời, thì cuối cùng chúng ta sẽ có cái đầu to thay vì phải có một tấm lòng nhiệt huyết (ICo 8:1 Lu 24:32); lẽ thật trở thành một món đồ chơi, không phải là một công cụ xây dựng. Thay vì xây dựng bản tánh Cơ Đốc của chúng ta, chúng ta chỉ tự dối mình và cố dối gạt người khác (IGi 1:5-10).

E-xơ-ra không chỉ học và làm theo Lời Đức Chúa Trời, ông còn giảng dạy nó cho người khác. Các thầy tế lễ và người Lê-vi có bốn phận dạy dỗ dân Y-sơ-ra-ên, theo như Đức Chúa Trời phán bảo (Le 10:8-11 Phu 33:10 Ma 2:7), vì đó là cách duy nhất để dân sự có thể biết được lẽ thật của Đức Chúa Trời. Người bình thường không thể có cuốn sách Luật Pháp cho riêng mình, nên các thầy tế lễ và người Lê-vi phải đọc và giải nghĩa Kinh Thánh cho dân sự. “Họ đọc rõ ràng trong sách luật pháp của Đức Chúa Trời, rồi giải nghĩa nó ra, làm cho người ta hiểu lời họ đọc” (Ne 8:8). Đây là tấm gương cho tất cả giáo sư và những người giảng dạy Kinh Thánh noi theo.

Mỗi thế hệ cần biết tần quàm trọng của Kinh Thánh, tức Lời Đức Chúa Trời, nhưng điều đó không thể nào xảy ra nếu thế hệ trước không trung tín học Kinh Thánh, gìn giữ Kinh Thánh, vâng theo Kinh Thánh, và giảng dạy Kinh Thánh. “Những điều con đã nghe nơi ta ở trước mặt nhiều người chứng, hãy giao phó cho mấy người trung thành, cũng có tài dạy dỗ kẻ khác” (ITi 2:2). [24]

Ba đức tính được đề cập trong Exo 7:10 tương đồng với Lời của Chúa chúng ta trong Mat 13:52 “Vì có ấy, mọi thầy thông giáo đã học thông đạo về nước thiên đàng, thì giống như một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra”. E-xơ-ra là một học giả nghiên cứu Kinh Thánh, một môn đồ vâng theo và áp dụng Kinh Thánh, và là một chủ nhà chia sẻ Kinh Thánh cho những người khác. Ông là tấm gương tốt cho chúng ta noi theo.

(Exo 7:7-9 tóm tắt hành trình đến Giê-ru-sa-lem, chúng ta sẽ họ chi tiết về sự kiện này sau)

2. Ông hướng dẫn một ông vua ngoại bang (Exo 7:11-28)

Đức Chúa Trời đã làm việc trong lòng Si-ru và Đa-ri-út thế nào (1:1-4 6:1-12), Ngài cũng hành động như vậy đối với At-ta-xét-xe để E-xơ-ra và dân sự được phép trở về xứ của họ. Sau khi nghe những lời thỉnh cầu của E-xơ-ra, At-ta-xét-xe từng bước giúp dân Do Thái trong công việc quan trọng này.

Sự cho phép (7:11-12,25,26). Trước hết, At-ta-xét-xe chỉ định E-xơ-ra làm lãnh đạo nhóm người Do thái trở về và cũng làm người đại diện cho vua tại Giu-đa, còn cho ông thêm quyền trừng phạt những kẻ nào vi phạm (c.26). Từ cách vua mô tả E-xơ-ra trong quốc thư của mình, rõ ràng vua rất ấn tượng với thầy tế lễ và học giả E-xơ-ra và cả Luật Pháp mà là trung tâm của đời sống và chức vụ của ông. Luật pháp Đức Chúa Trời trong tay E-xơ-ra (c.14,25) có thể là cuốn sách thật mà E-xơ-ra mang theo bên mình không đến yết kiến vua, hoặc có thể chỉ có nghĩa là “mà người biết” (c.25).

Sự phóng thích (c.13-14). Trong bức thư của mình, At-ta-xét-xe cho dân Do Thái đặc ân được rời Ba-by-lôn và trở về Giê-ru-sa-lem với E-xơ-ra và gia nhập với dân sót đang xây vách thành (4:12). Xem lại 4:7-23, trong đó nói về những khó khăn của dân Do Thái dù đã được vua cho phép, và ghi nhớ rằng đây và việc xây thành, không phải xây đền thờ, nó liên quan và đi đôi với sự phục hồi về thuộc linh của dân sự. (Xem bố cục gợi ý của sách E-xơ-ra).

Vào năm 537, lần trở về Giê-ru-sa-lem đầu tiên có 50.000 người dưới sự lãnh đạo của xô-rô-ba-bên để xây lại đền thờ. Và giờ đây, năm 458, E-xơ-ra được phép dẫn nhóm thứ hai, 1.500 người nam cộng với phụ nữ và trẻ em, về xây sửa các vách và cổng thành và đem lại sự tươi mới thuộc linh cho dân sự.

Vào năm 444, Nê-hê-mi sẽ đến và hoàn tất việc xây các vách thành và treo các cửa thành.

Sự đền bù (Exo 7:15-26). Đức Giê-hô-va đã phán với dân sự đang tranh chiến ở Giê-ru-sa-lem, “Bạc là của ta, vàng là của ta” (Ag 2:8), và giơ Ngài chứng minh điều đó bằng cách mở các kho tàng của vua và cung ứng tiền mua các con sinh tể để dâng lên tại đền thờ Giê-ru-sa-lem. Vua ra lệnh cho các quan cai phía bên kia sông lấy tiền trong kho của vua cung cấp tiền cho dân Do Thái và định rõ những giới hạn (Exo 7:22). Một trăm ta-lâng bạc gần bằng bốn tấn bạc!

Sau đó At-ta-xét-xe trao lại cho E-xơ ra những khí dụng của đền thờ ban đầu mà trước đây Xô-rô-ba-bên không mang về (c.19). Cuối cùng, ông cho phép E-xơ-ra nhận những lễ vật của những người Do Thái vẫn còn ở lại Ba-by-lôn và của tất cả người nào muốn dâng (1:4). Không phải mọi người Do Thái đều muốn trở về, và không phải tất cả đều có thể về; nhưng tất cả được đóng góp một phần nào đó cho công việc.

Giống Đa-ri-út trước mình (6:10), At-ta-xét-xe ước ao Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên ban phước cho ông, các con của ông và giúp đất nước của ông phồn thịnh (7:23); nên sự rời rộ của ông có gì đó ích kỷ đằng sau nó. Nhưng khó tin chắc bất kỳ người nào, hoặc vua hoặc quan làm bất cứ điều gì với một động cơ tuyệt đối trong sáng. Là một ngoại lệ khi vua ngoại bang này giúp cho một dân tộc bị lưu đày một cách rời rộ mà không hy vọng nhận lại điều gì. Nói cho cùng, nếu Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên không thể bảo vệ dân Do Thái trong Cuộc Lưu Đày sang Ba-by-lôn, thì Ngài có thể giúp gì cho người Phe-rơ-sơ?

Những việc At-ta-xét-xe làm cho dân Do Thái rõ ràng là do tay nhân lành của Đức Chúa Trời đã hành động thay cho tuyển dân Ngài. Cuối cùng At-ta-xét-xe miễn thuế các thầy tế lễ, người Lê-vi, những tội tở hờn việc trong đền thờ (c.24). Ngay cả khi ông ta có động cơ ích kỷ, At-ta-xét-xe đã quan tâm đến sự phát triển và ổn định của những công việc trong đền thờ. Để biết chắc mọi việc được tiến triển tốt đẹp khi dân Do Thái xây lại thành, vua đã ban cho E-xơ-ra quyền thi hành luật pháp (c.26).

Sự ngợi khen (c.27-28). Đây là sự kiện đầu tiên của người đầu tiên trong sách này; nó tiếp tục qua 9:15. Ông ngợi khen Đức Chúa Trời vì khiến vua hợp tác với những kế hoạch của ông, ông xem sự kiện này là bằng chứng về lòng nhân từ và yêu thương của Đức Chúa Trời. E-xơ-ra không nhận danh tiếng gì từ thành tựu này; nó là kết quả của “tay nhân lành của Đức Chúa Trời” phù trợ ông. Không lãng phí thời gian, ông đã triệu tập những quan trưởng của các chi phái và tập trung những người được cảm động trở về Giê-ru-sa-lem.

3. Ông triệu tập nhóm dân sót sẵn lòng (Exo 8:1-30)

Nhiều người Do Thái đã có cuộc sống thoải mái ở Mê-sô-bô-ta-mi bằng lòng sống và chết ở đó. Trong suốt thời lưu đày, họ phải theo lời khuyên của Giê-rê-mi để làm những công dân tốt và ổn định cuộc sống thường ngày (Gie 29:1-7). Nhiều thập niên trôi qua, thế hệ cũ đã không còn và thế hệ mới đã lớn lên, họ chưa bao giờ thấy Giê-ru-sa-lem hay đền thờ và có thể ít quan tâm đến ích lợi của anh em Do Thái mình đang cực nhọc hy sinh ở đó. Chắc chắn một số người Do Thái còn được làm quan ở xứ người hoặc công việc kinh doanh phát đạt; bỏ lại để trở về là một tổn thất lớn. Cả Chúa chúng ta cũng gặp vấn đề khi kêu gọi các môn đồ, những người có cuộc sống khá ổn định (Lu 9:57-62), điều đó giải thích tại sao thiếu nhân công (10:2).

Sự tuyển mộ (Exo 8:1-20). Rất khôn ngoan, E-xơ-ra đã triệu tập mười tám người nam đứng đầu trong các cho tộc của Y-sơ-ra-ên, biết rằng họ có tầm ảnh hưởng đến những người bà con của họ, kết quả là tất cả 1.515 người nam, cộng với phụ nữ và trẻ em (c.21), đã đồng ý cùng E-xơ-ra trở về Giê-ru-sa-lem. Số lượng ấy không nhiều so với lần trở về đầu tiên cùng Xô-rô-ba-bên và Giê-sua gần tám mươi năm trước, nhưng điều đó không làm họ nản lòng. Nếu bạn so sánh những cái tên trong danh sách này với 2:3-15, bạn sẽ thấy rằng rất nhiều người trong số những người về với E-xơ-ra có họ hàng với những người về lần đầu. Tinh thần của người đi trước dường như còn ảnh hưởng trong các gia đình này.

Nhóm thứ hai này rời Ba-by-lôn vào ngày 1 tháng giêng (7:9) và sau đó khoảng một tuần, đoàn người dừng chân tại sông A-ha-va (có thể là một con kênh) trong ba ngày trước khi tiếp tục lên đường (8:15,31). Trong suốt thời gian đó, E-xơ-ra đã kiểm tra và xét thấy không có người Lê-vi nào cùng đi với họ, [25] nên ông cử ra một đội đặc biệt gồm 11 người đi tuyển chọn một số người Lê-vi để cùng trở về với họ. Đội này trở về chỉ với 38 người Lê-vi, nhưng đến 220 tôi tớ trong đền thờ cùng đi với họ. Con số này không đảo ngược, nhưng sau đó số công nhân vẫn quá ít.

Sự tin cậy (c.21-23). Hành trình của E-xơ-ra là hành trình thuộc linh; vì nếu tay nhân từ của Đức Chúa Trời không ở cùng họ, thì mọi việc sẽ thất bại. Nhưng để nhận ơn phước và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, họ phải hạ mình và tìm kiếm mặt Ngài, nên E-xơ-ra cho dừng lại ba ngày để kiêng ăn và cầu nguyện; cầu xin Đức Chúa Trời bảo vệ họ trong hành trình dài của mình.

E-xơ-ra có thể đề nghị một đội quân được trang bị đi theo bảo vệ, nhưng ông thấy rằng yêu cầu ấy sẽ làm hổ thẹn Đức Chúa Trời trong con mắt của vua ngoại bang. Ông đã nói với At-ta-xét-xe rằng tay nhân lành của Đức Chúa Trời phù hộ ông và dân Do Thái, cho nên làm sao ông có thể xin sự giúp đỡ của con người? E-xơ-ra đã nương cậy nơi giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham (Sa 12:1-3), rằng những ai chúc phước Y-sơ-ra-ên sẽ được Đức Chúa Trời ban phước, có một mối dây liên lạc giữa đức tin và căn cứ. Mười bốn năm sau Nê-hê-mi không ngần ngại đề nghị vua cấp cho ông một đội quân được trang bị (Ne 2:9); và Phao-lô vui mừng khi có các binh lính La-mã bảo vệ trong suốt hành trình từ Giê-ru-sa-lem đến Sê-sa (Cong 23:1-34). Họ không một đạo bằng E-xơ-ra? Dĩ nhiên không phải như vậy! Chắc chắn Đức Chúa Trời ban cho E-xơ-ra một đức tin đặc biệt để thực hiện hành trình này vì Ngài biết rằng khao khát của E-xơ-ra là làm vinh hiển một mình Đức Chúa Trời. Khi bạn xem xét những yếu tố liên quan trọng cuộc hành trình này, bạn có thể thấy E-xơ-ra có một đức tin lớn dường nào. Ở đây là hàng ngàn người Do Thái, không kinh nghiệm gì về sự di chuyển và chiến tranh, họ phải mang theo của cải vàng bạc theo, dẫn dắt họ là một học giả, không phải là một chiến binh, họ phải đi qua những lãnh địa nguy hiểm với nhiều quân cướp bóc, ấy thế mà vị lãnh đạo của họ không muốn có đạo quân theo bảo vệ họ! Nếu có người xứng đáng với “Phần Thưởng của Đức Tin Lớn”, thì người đó là E-xơ-ra!

Sự phân công nhiệm vụ (Exo 8:24-30). Đối với mười hai thầy tế lễ đứng đầu, E-xơ-ra giao cho họ trách nhiệm quản lý của cải: 25 tấn bạc, gần 8 tấn các khí dụng bằng bạc và vàng, cộng với nhiều khí dụng khác và những lễ vật mà dân chúng trao cho. Mười hai người này đại diện cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên và có bốn phận đối với họ, nhưng hơn nữa, đó chính là của cải của Đức Chúa Trời, và những thầy tế lễ này, đến một ngày, sẽ phải báo cáo lại với Ngài.

Trong một ý nghĩa, sự kiện này là thí dụ về đời sống Cơ Đốc. Dân sự của Đức Chúa Trời đang đi trong một hành trình khó khăn và nguy hiểm để đến được Giê-ru-sa-lem trên trời (He 12:22), và Đức Giê-hô-va đã giao cho chúng ta một số của cải nào đó của Ngài. Nhiệm vụ của chúng ta là bảo vệ những gì Ngài giao cho chúng ta và sẵn sàng báo cáo lại công việc quản lý của chúng ta khi chúng ta đến đích. Sự khác biệt duy nhất là, trong hành trình của chúng ta, Đức Chúa Trời mong chúng ta đầu tư và làm lợi ra số của cải đó, không phải chỉ giữ nó mà thôi. (Mat 25:14-30 ITi 1:11,18-19 6:20 IITi 1:13-14 2:2)

4. Ngài ban cho họ một hành trình bình an (Exo 8:31-36)

Khi những người Do thái này lê bước qua đồng vắng, tôi không biết họ có hát cho nhau nghe Thi 121:1-8 không?

Tôi ngược mắt lên trên núi:

Sự tiếp trợ tôi đến từ đâu?

Sự tiếp trợ tôi đến từ Đức Giê-hô-va,

Là Đấng đã dựng nên trời và đất.

Ngài không để cho chân người xiêu tó;

Đấng gìn giữ người không hề buồn ngủ.

Đấng gìn giữ Y-sơ-ra-ên

Không hề nhắm mắt, cũng không buồn ngủ. (121:1-4)

Đến nơi (Exo 8:31). Họ rời Ba-by-lôn vào ngày một tháng giêng (7:9), dừng chân ba ngày ở sông A-ha-va (8:15), sau đó dỡ trại vào ngày 20 tháng giêng (8:31), và đến Giê-ru-sa-lem vào ngày 1 tháng 5 (7:9). Họ đi hết 900 dặm trong bốn tháng, tay nhân từ của Đức Chúa Trời bảo vệ họ và những tài sản của họ.

Đức Chúa Trời của chúng ta là Alpha và Omega; những gì Ngài bắt đầu, Ngài làm cho xong (Kh 1:8,11 21:6 22:13 Es 41:4 44:6). Nếu Đức Chúa Trời đã ở với chúng ta khi hành trình bắt đầu và chúng ta tin cậy Ngài, thì Ngài sẽ vẫn ở cùng chúng ta xuyên suốt cuộc hành trình và đưa chúng ta về đến đích. Mỗi bước đường, Đức Chúa Trời sẽ nhìn thấy chúng ta thực hiện những mục đích yêu thương của Ngài; và Ngài sẽ không bao giờ từ bỏ chúng ta (Es 43:1-2 He 13:5-6).

Nghỉ ngơi (Exo 8:32). Khi vợ tôi và tôi về đến nhà sau hành trình dài vì chức vụ, chúng tôi thường dành một vài ngày nghỉ ngơi để lấy sức sẵn sàng cho nhiệm vụ tiếp theo. Có lẽ E-xơ-ra và những người đi theo ông đã đến nơi trước ngày Sa-bát và họ quyết định nghỉ ngơi lâu một chút. Đôi khi điều thuộc linh nhất mà chúng ta có thể làm là không làm gì cả. Chúa Giê-xu bảo các môn đồ bận rộn của mình, “Hãy đi tẻ ra trong nơi vắng vẻ, nghỉ ngơi một chút” (Mac 6:31). Như Vance Havner thường nói, “Nếu bạn không rời ra, bạn sẽ bị tan thành từng mảnh.”

Tính toán (Exo 8:33-34). Các thầy tế lễ đem hết các của cải vào đền thờ ở đó họ cân và kê khai, tất cả những con số được ghi lại để báo cáo cho vua. “Nhưng mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự” (ICo 14:40). Các đầy tớ của Đức Chúa Trời phải trung tín trong mọi khía cạnh của chức vụ mình, nhưng đặc biệt trong vấn đề tiền bạc. Khi bạn đọc IICo 8:1-9:15, bạn sẽ thấy Phao-lô và những đồng sự của ông cẩn thận thế nào khi quản lý tiền trợ trợ mà các Hội Thánh của dân Ngoại gửi giúp

Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. “Vì chúng tôi tìm tòi điều lành, chẳng những ở trước mặt Chúa, mà cũng ở trước mặt người ta nữa” (8:21)

Thờ phượng (Exo 8:35). Các cư dân Do Thái và những người mới đến tập trung trước bàn thờ để thờ phượng Đức Chúa Trời và tuyên bố họ là một dân tộc hiệp nhất. Mười hai của lễ thiêu và mười hai của lễ chuộc tội cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên được đại diện bởi dân sót ở Giê-ru-sa-lem. Không giống sự thờ phượng ban đầu hơn 75 năm trước, khi bàn thờ đầu tiên được lập, không có chỗ nào ghi lại sự than khóc “cho những ngày xưa tốt đẹp” (3:11-13).

Những người mới đến đang thờ phượng trong xứ của mình, tại bàn thờ trong đền thờ của mình, lần đầu tiên trong đời! Lòng E-xơ-ra chắc rất vui khi đứng trước bàn thờ và dự buổi thờ phượng đó! “Tôi vui mừng khi người ta nói với tôi rằng: Ta hãy đi đến nhà Đức Giê-hô-va. Hỡi Giê-ru-sa-lem, chân chúng ta dừng lại trong các cửa người” (Thi 122:1-3).

Trình diện (Exo 8:36). Sau khi lo những vấn đề thuộc linh liên quan đến đất nước và đền thờ, E-xơ-ra đem ủy nhiệm thư đến trình diện các quan người Phe-rơ-sơ ở địa phương. “Vây thì của Sê-sa hãy trả lại cho Sê-sa, của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời” (Lu 20:25). Ông trình cho họ thư của vua, và các quan cai nhanh chóng tuân lệnh vua và giúp cho dân Do Thái trong những dự án của mình. E-xơ-ra rời Ba-by-lôn với luật pháp của Đức Chúa Trời trong lòng, lá thư của vua trong tay và tay nhân lành của Đức Chúa Trời ở trên ông. Không lạ gì khi sứ mạng của ông là thành công.

4. AN ĐIỂN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Exo 9:1-10:43)

E-xơ-ra chắc chắn rất vui và thỏa lòng khi ông được thấy mình có mặt trong Thành Thánh, thờ phượng trong đền thờ được xây mới và chăm lo cho những nhu cầu thuộc linh của dân sự. Ông có hẳn đã có một cuộc sống dễ chịu nếu ông làm một học giả ở xứ lưu đày Ba-by-lôn, nhưng “cuộc sống dễ chịu” đó không phải là chương trình dành cho E-xơ-ra. Đức Chúa Trời đã kêu gọi ông phục vụ săn sóc Do Thái và dạy họ Luật Pháp của Đức Chúa Trời, và ông đã vâng theo sự kêu gọi của Ngài.

Nhưng bốn tháng sau khi ông đến (Exo 7:9-10:9), ông nhận thấy mọi chuyện ở Ba-by-lôn không hề tốt đẹp vì hơn một trăm công dân và lãnh đạo tôn giáo trong nước phạm tội cố ý bất tuân Luật Pháp mà E-xơ-ra đã rao dạy. Cách E-xơ-ra đối diện với vấn đề khó khăn này và đã giải quyết nó là một gương mẫu cho Cơ Đốc Nhân ngày nay, là những người nhận mạng lệnh của Đức Chúa Trời, “Ta là Thánh, nên các ngươi phải nên Thánh” (Le 11:44). [26]

1. Sự ô uế: Một dân phạm tội (Exo 9:1-2)

Các quan trưởng đến báo cho E-xơ-ra biết một số lãnh đạo các chi phái, cũng như một số thầy tế lễ và người Lê-vi, đã cưới vợ ngoại bang và sinh con, một số người này đã bỏ những người vợ Do thái của họ để cưới vợ ngoại bang (Ma 2:10-16).

Những người Do Thái này thật biết quan tâm khi báo cho E-xơ-ra biết tình hình đang xảy ra, vì ông là một trong những lãnh đạo thuộc linh quan trọng của họ và được chính vua trao quyền cho (Exo 7:25-26). Chắc chắn những cư dân biết quan tâm này đã phản đối những cuộc hôn nhân khác chủng tộc nhưng bị phớt lờ, nên họ đã cạy đến người lãnh đạo đứng đầu của mình và mong được sự giúp đỡ của ông. Người nhà của Cơ-lô-ê báo cho Phao-lô về những tội lỗi xảy ra trong Hội Thánh (ICo 1:11), ông

đã không quở trách họ vì việc đó bởi có sự khác biệt giữa “tin đồn nhảm” và sự quan tâm chân thành. Che đậy tội lỗi không bao giờ đem lại ơn phước cho đất nước cũng như cho những cá nhân (Ch 28:13 Phu 17:1-7).

Sự bất tuân (Exo 9:1). Những việc làm của những đàn ông Do Thái này đã vi phạm Luật Pháp của Đức Chúa Trời (Xu 34:15-16 Phu 7:1-6). Như sách Ru-tơ cho thấy, sẽ là hợp pháp để một người nam cưới vợ ngoại bang nếu cô ta hoàn toàn từ bỏ nếp sống cũ và tiếp nhận niềm tin của chồng; nhưng luật lệ này không được áp dụng cho những con gái bản xứ Ca-na-an. Theo 2:1-15 và 21:10-14, một người lính Do thái có thể cưới vợ là một tù binh chiến tranh từ một thành phố xa xôi đến, nhưng không được cưới con gái Ca-na-an. Nhưng, khi dân sự cố ý bất tuân Lời Đức Chúa Trời, họ luôn tìm cách biện minh cho hành động của mình. Họ nói rằng, “Con gái Do Thái chưa chồng không có nhiều, và họ phải cưới con gái ngoại bang ở trong xứ để duy trì nòi giống và phát triển dân số.” Nói cách khác, kết quả biện minh cho phương tiện. Đáng trách cho những con gái chưa chồng không chịu rời bỏ Ba-by-lôn!”

Có ai gợi ý nên trở về Ba-by-lôn tìm vợ hợp pháp cho những người đàn ông này?

Sự làm cho vẫn đục (Exo 9:2). Đức Chúa Trời ban hành luật hôn nhân cho Y-sơ-ra-ên để bảo vệ đất nước khỏi sự vẫn đục. Vì những cuộc hôn nhân tạp chủng này, “hạt giống thánh” (“chủng tộc thánh”) đã bị vấy bẩn bởi những người đàn bà ngoại bang xuất thân từ chính những đất nước mà Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho Y-sơ-ra-ên phải tiêu diệt (Phu 7:1-6). Dân Do Thái được gọi là “dân thánh” (Xu 19:5-6) không phải vì họ tốt hơn những dân khác, nhưng vì chính Đức Chúa Trời đã chọn lựa họ trong tình yêu thương và biệt riêng họ ra để thực hiện ý muốn của Ngài (Phu 7:7-11). Qua dân Y-sơ-ra-ên “các chi họ thế gian sẽ được phước” (Sa 12:3 28:14), vì dân Do Thái đem đến cho thế gian ba món quà: sự nhận biết Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, Lời thành văn của Đức Chúa Trời, và Đấng Cứu Thế, tức là Đức Chúa Giê-xu Christ.

Nếu kể những người nam Do Thái độc thân đi cưới vợ ngoại bang là gian ác, thì càng gian ác hơn nhiều khi những người nam đã có vợ nhưng bỏ vợ mình đi cưới người đàn bà ngoại bang! Tiên tri Ma-la-chi lên án những người nam Do Thái nào làm việc ấy (Ma 2:13-16) và nhắc họ rằng Đức Giê-hô-va đang tìm kiếm “một hậu duệ tin kính”. Điều này ngụ ý đến Đấng Mê-si-a đã hứa cũng như những thế hệ tương lai của dân Do Thái (Es 6:12-13). Làm sao dân Do Thái có thể giữ cho dân tộc mình “thánh khiết” nếu những người nam này bất tuân ý muốn Đức Chúa Trời? Nếu những lãnh đạo của Y-sơ-ra-ên tiếp tục làm gương xấu trong việc tử làm ô uế chính mình, thì họ cũng làm ô uế cả đất nước; và chẳng bao lâu Y-sơ-ra-ên không còn giữ được vị trí biệt riêng của họ giữa thế gian. Giống như Sa-lô-môn (I Các vua 11), những người đàn ông này sẽ thu nhận những thần giả và những tập tục xấu xa từ những bà vợ ngoại bang của họ; và đức tin chân thật sẽ sớm bị phá đổ (Xu 34:10-16). Thế thì, làm sao Đức Chúa Trời có thể ban Đấng Cứu Thế xuống thế gian? [27]

2. Sự quan tâm: Một dân có đặc ân (Exo 9:3-15)

[28] Là một đặc ân lớn cho dân sót khi họ có được vị lãnh đạo thuộc linh như E-xơ-ra! Ông được vua trao cho một uy quyền đặc biệt (7:25-26), nên bạn có thể thấy đối với ông biết được những việc làm của những người đàn ông này là quan trọng như thế nào. Để phòng vệ, E-xơ-ra có thể trục xuất những người này ra khỏi cộng đồng, tịch thu tài sản của họ, hoặc ra lệnh xử tử họ! Nhưng E-xơ-ra là người mà Đức

Chúa Trời thấy là tốt nhất cho dân sự Ngài, ông đã đồng nhất với họ và đặt lên vai ông những gánh nặng của họ. Ông là một con người cầu nguyện hết lòng.

Ông ta không rao giảng, dù họ cần được nhắc nhở về Luật Pháp Đức Chúa Trời, ông cũng không vội đi tìm những tội nhân và kêu họ xưng tội và ăn năn, như cần phải vậy. Điều đầu tiên ông làm là đi đến đền thờ, ngồi xuống đất, bày tỏ sự đau khổ của mình trước mặt dân sự và Đức Chúa Trời. Như thế đang khóc than cho người chết, ông đã xé áo trong và áo tơ của mình (Exo 9:5 Sa 37:29,34 Gios 7:6), để bày tỏ sự đau buồn, ông đã bứt tóc và râu của mình. [29] Dân sự thấy điều này và cảm động.

E-xơ-ra “buồn bã” (Exo 9:3). Từ Hy-ba-lai này có nghĩa là “bất ngờ, kinh hãi, kinh hoàng, ưu phiền.” Làm sao những người con của giao ước này có thể phạm trọng tội như vậy? Họ đã được Đức Chúa Trời giải phóng cách tuyện vời ra khỏi ách nô lệ và được phép trở về xứ mình, giờ đây họ chống nghịch Đức Chúa Trời, Đấng đã ban ơn dư dật cho họ! Một số những tội đồ ấy lại là những thầy tế lễ và người Lê-vi, là những người biết rõ Luật Pháp!

Một trong những chứng bệnh của xã hội ngày nay là con người không còn bất ngờ vì tội lỗi nữa và sẵn sàng làm điều tội lỗi. Các lãnh đạo chính trị có thể ngang nhiên vi phạm luật pháp và không chỉ thoát được tội ấy mà còn được công chúng ngưỡng mộ và tái đắc cử. Polls cho biết rằng nhiều người Mỹ không xem “tư cách” là yếu tố quan trọng khi chọn người lãnh đạo. Dù có nhiều tiếng tăm về “sự phục hưng tôn giáo” và “sự phát triển Hội Thánh”, dân sự của Đức Chúa Trời dường như không làm tròn vai trò là muối và ánh sáng trong xã hội. Muối đã mất vị mặn của nó và không còn có tác dụng ngăn chặn sự mục rữa, và ánh sáng bị giấu dưới cái thùng (Mat 5:13-16).

Trong suốt thời gian E-xơ-ra ngồi kiềng ăn [30] và than khóc, đám đông vây quanh ông là những người ” vâng theo các lời phán Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên” (Exo 9:4 10:9). Dân Do Thái đã run sợ tại Si-na-i khi Đức Chúa Trời phán Lời Ngài (Xu 19:16 He 12:21), nhưng những thế hệ sau chỉ cho Lời Đức Chúa Trời là hiển nhiên và không quan tâm họ có đang xem thường nó hay không. Rất nhiều Cơ Đốc Nhân ngày nay vui lòng đọc Kinh Thánh, nghiên cứu Kinh Thánh, tóm lược Kinh Thánh, thậm chí bảo vệ Kinh Thánh, nhưng họ không kính sợ Đức Chúa Trời và vâng theo những gì Kinh Thánh nói. “Mọi sự này đều bởi tay ta làm ra, và có như vậy. Đây là kẻ mà ta đoái đến: tức là kẻ nghèo khó có lòng ăn năn đau đớn, nghe lời nói ta mà run” (Es 66:2). Bao lâu dân sự của Đức Chúa Trời không tỏ lòng tôn kính Đức Chúa Trời và Lời Ngài, thì Thánh Linh của Đức Chúa Trời không hành động bằng quyền năng tối thượng như Ngài mong muốn.

Lúc 3 giờ chiều, các thầy tế lễ dâng của lễ chiều như mọi ngày (Dan 28:1-4) và dân sự nhóm lại cầu nguyện (Cong 3:1 Thi 55:17 Dan 6:10), E-xơ-ra bắt đầu cầu khẩn Đức Chúa Trời và cầu thay cho dân sự. Khi ông khóc (Exo 10:1) và cầu nguyện, có lẽ ông đang nghĩ đến lời hứa của Đức Chúa Trời trong IISu 7:14, “Nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ.”

“Chúng tôi đã phạm tội” (Exo 9:5-7). Giống như Nê-hê-mi (Ne 1:4-10) và Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 9), E-xơ-ra đã đồng hóa mình với dân sự và tội lỗi của họ và nói với Đức Chúa Trời rằng “những tội lỗi chúng tôi” và không nói “những tội lỗi của họ.” Y-sơ-ra-ên là dân giao ước trước mặt Đức Chúa Trời, và những tội lỗi của một người có

ảnh hưởng đến toàn thể dân sự. Ví dụ, khi A-can không vâng lời Đức Chúa Trời ở Giê-ri-cô, Đức Chúa Trời đã phán với Giô-suê, “Y-sơ-ra-ên có phạm tội” (Gios 7:11). Chính nguyên tắc này áp dụng cho Hội Thánh (II Co 5:6-8). Trừ phi tội lỗi được giải quyết, tất cả hội chúng đều bị ô uế.

Giống như người thâu thuế trong thí dụ của Chúa chúng ta (Lu 18:9-14), E-xơ-ra rất hổ thẹn nên không thể ngước mặt lên trời cầu nguyện. Không xấu hổ vì tội lỗi là dấu hiệu của sự giả hình và kinh nghiệm thuộc linh nông cạn (Gie 6:13-15). “Chúng nó làm ra sự góm ghiếc, há lấy làm xấu hổ ư? Đã chẳng xấu hổ chút nào, lại cũng không thẹn đỏ mặt” (8:12). Những lời nói và hành động mà khiến những thế hệ ban đầu hổ thẹn trở thành một phần trong món ăn “giải trí” ngày nay của người xem TV bình thường. Khi một đất nước biến tội lỗi thành trò tiêu khiển và bông đùa trước những điều lẽ ra chúng ta phải rơi nước mắt, chúng ta đang rất cần sự phục hưng.

Tại sao E-xơ-ra xấu hổ như vậy? *Vì dân sự của ông không rút ra được bài học từ tất cả những thử thách mà đất nước đã kinh nghiệm* (Exo 9:7). Một thế hệ mới đã lớn lên ở Ba-by-lôn và quá quen thuộc với sự gian ác xảy ra xung quanh họ đến nỗi họ không còn thật lòng kính sợ Đức Chúa Trời. Đáng lẽ họ phải giống Phao-lô khi ở A-thên; ông ta đã tức giận và đau buồn vì những tội lỗi mà ông ta nhìn thấy (Cong 17:16); nhưng họ đã chấp nhận nếp sống tội lỗi của Ba-by-lôn, sau đó tán thành nó và rồi thích nó. Thái độ thỏa hiệp này được họ mang theo đến Giê-ru-sa-lem và cuối cùng được bộc lộ trong sự bất tuân của họ.

Khi bạn đọc những phân đoạn Kinh Thánh của Ma-la-chi, bạn sẽ thấy các tiên tri đã lại sa ngã khi họ “phục vụ Đức Chúa Trời” trong đền thờ được xây mới, và những lãnh đạo thuộc linh thuộc về thế gian sẽ sinh ra những người thờ phượng thuộc về thế gian. Trong khi thế hệ Do Thái đi trước đã học biết vâng phục qua những hình phạt mà Đức Chúa Trời giáng trên họ, và thế hệ trẻ không học được những bài học mà người đi trước cố gắng dạy họ. Lịch sử thuộc linh của Y-sơ-ra-ên, được tóm tắt trong (Exo 9:7), là bằng chứng sống động rằng những đặc ân mang theo nó những trách nhiệm, và người được ban cho càng nhiều thì có trách nhiệm càng nhiều (Lu 12:48).

“Chúng tôi không xứng đáng với những ơn phước của Ngài” (Exo 9:8-9). E-xơ-ra dùng năm hình ảnh để minh họa rằng ân điển của Đức Chúa Trời đã ban cho những người đã trở về xứ. Trong ân điển Ngài, Đức Chúa Trời đã gìn giữ dân sót, giống như một miếng vải xé ra từ chiếc áo dài và được cất giữ cẩn thận (IVua 11:26-40). Xuyên suốt lịch sử Do Thái, ngay cả khi đất nước xoay bỏ Đức Chúa Trời, Ngài vẫn luôn gìn giữ một dân sót, là những người trung tín với Ngài (IVua 19:18 Es 1:9 Ma 3:16-17 Lu 2:38); và từ dân sót đó, Ngài tạo nên một sự bắt đầu mới.

Sau đó E-xơ-ra nói về *“cái đình trong chỗ thánh* (Bản Tiếng Việt, *“cái đền ở trong chỗ thánh”*). Cái đình ở đây là một cây đình đóng vào vách đền thờ hoặc cái mốc lều được cắm xuống đất, nó mô tả sự an toàn và chắc chắn, một chỗ đứng mà giờ đây dân Do Thái có được trong xứ. Đức Chúa Trời đã đem dân sót trở về xứ của họ, cho họ được ơn trước mặt vua và các quan chức địa phương, nếu họ tin cậy và vâng Lời Ngài, Ngài sẽ ban ơn dư dật cho họ. Nhưng họ đã đi theo ý riêng; nên Ngài phải trừng phạt họ với những mùa màng thất bát, thời tiết khắc nghiệt, và những vấn đề khó khăn về kinh tế (Ag 1:1-15).

Thứ ba, Đức Chúa Trời ban *“ánh sáng cho mắt họ”*, bằng cách đem họ ra khỏi Ba-by-lôn và dẫn họ về xứ. “Mắt được sáng” là ngụ ý về một đời sống mới, niềm vui

mới, là ánh bình minh của một ngày mới (Thi 13:3 34:5). Nó tương tự với hình ảnh tiếp theo, “giải cứu khỏi ách nô lệ”. Sự tồn tại của dân sót trong xứ giống như sự sống lại từ cõi chết! Sự xuất phát của họ khi rời Ba-by-lôn giống như sự sống lại của xác chết từ hầm mộ.

Hình ảnh cuối cùng của E-xơ-ra là “*một bức tường (một nơi ở) trong Giu-đa và Giê-ru-sa-lem*”, và nó nói về sự bảo vệ mà Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài. Ngài đã hành động trong lòng các vua Si-ru, Đa-ri-út, A-suê-ru, At-ta-xét-xe I để giải phóng họ và đem họ về xứ bình an. Những người này là những ông vua uy quyền và kiêu căng, nhưng Đức Chúa Trời trong sự tể trị của Ngài đã dùng họ để làm thành những mục đích của Ngài.

Không ngạc nhiên khi E-xơ-ra xấu hổ. Sau tất cả những gì Đức Chúa Trời làm cho dân sự Ngài, họ đáp lại bằng sự bất tuân Lời Ngài. “Chúng tôi sẽ nói làm sao?” (Exo 9:10-12). Biết Lời Đức Chúa Trời là không thể thiếu đối với sự cầu nguyện (Gi 15:7), và E-xơ-ra biết rõ Kinh Thánh Cựu Ước. Trong những câu này, ông ngụ ý đến nhiều phân đoạn Kinh Thánh của Môi-se và các tiên tri, như Le 18:24-26 Phu 7:1-6 1:8-9 Es 1:19 IIVua 23:8-16 Exe 5:11 37:25. Rõ ràng những người đàn ông Do Thái này đang phạm tội với nguồn sự sáng.

Những tập tục tôn giáo của Ngài Ca-na-an gớm ghiếc không thể tả và mùi tanh tưởi đó thấu đến Thiên Đàng. Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn lắm mới kiếm sự thanh nộ Ngài, nhưng phải trừng phạt họ, đó là khi dân Y-sơ-ra-ên tràn vào xứ (Sa 15:16). Sự đánh đuổi cư dân Ca-na-an giống như một cuộc khấu thuật cắt bỏ khối ung thư ra khỏi cơ thể. Lưu ý những từ E-xơ-ra sử dụng trong lời cầu nguyện của ông: bị ô uế, sự ô uế, sự gớm ghiếc.

Luật pháp của Đức Chúa Trời nêu rõ rằng Y-sơ-ra-ên không được liên hệ với những nước này, và giờ đây hơn một trăm người đàn ông Do Thái đã cưới những vợ là người của các nước đó (Exo 9:12). Dĩ nhiên, việc làm của họ có thể đem lại những mối quan hệ hòa bình và có lẽ còn giàu có nữa, nhưng tương lai sẽ thế nào? Chuyện gì sẽ xảy ra với những đứa con của những cuộc hôn nhân tạp chủng đó trong khi đây là lúc họ phải vâng phục Đức Chúa Trời và là một phần của giao ước? Những người này đang bán lỗ tương lai mình và phải trả một giá rất đắt cho việc làm đó. Nó không đáng như vậy. Chẳng ngạc nhiên khi E-xơ-ra không thể nói gì, “Chúng tôi sẽ nói làm sao?”

“*Chúng tôi mắc tội lỗi nhiều*” (c.13-15). Tội lỗi luôn làm con người không thể mở miệng trước mặt Đức Chúa Trời (Ro 3:19). Những tội nhân không còn có thể biện minh với Ngài về những tội lỗi của họ và không có lời xin lỗi nào được chấp nhận. E-xơ-ra không chỉ xưng tội mình mà còn thừa nhận rằng Đức Chúa Trời còn nương tay so với những gì họ đáng nhận lãnh. Ông biết rằng Đức Chúa Trời có thể hủy diệt dân sót và bắt đầu lại bằng một dân khác (Xu 32:10 Dan 14:11-12), nhưng giống như Môi-se, ông cầu xin Đức Chúa Trời thương xót và tha thứ.

Không ai có thể đứng vững trong sự hiện diện của Ngài; không ai có thể mở miệng trong sự hiện diện của Ngài. Họ là những con người phạm tội, một số người vì sự cố tình vi phạm luật pháp Đức Chúa Trời, và những người khác vì để cho những kẻ phạm tội trốn thoát những tội lỗi của họ. Nhưng Đức Chúa Trời là công bình, một Đức Chúa Trời công bình phải trừng phạt tội lỗi.

Trước khi chúng ta cố gỡ rối những vấn đề trong cuộc sống, chúng ta phải để thời gian tìm kiếm mặt Đức Chúa Trời trong sự cầu nguyện. Đây không phải là lời cầu nguyện dài dòng. Nó có thể là lời cầu xin lớn tiếng trong một vài phút, nhưng nó rất có chiều sâu. Charles Spurgeon thường nói rằng quan trọng là sức mạnh của sự cầu nguyện, không phải độ dài của lời cầu nguyện; và ông ta đúng. Khi bạn cầu nguyện với một tấm lòng nặng trĩu, với một tâm trí dầm thấm Lời Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời sẽ nghe và đáp lời.

3. Sự hợp tác: một dân tộc sẵn lòng (Exo 10:1-8)

Đừng bao giờ đánh giá thấp sức mạnh của sự cầu nguyện ở một tín hữu tận tụy (Gia 5:16-18), vì sự cầu thay của chỉ một người biết quan tâm cũng có thể làm thay đổi những gì Đức Chúa Trời sẽ làm trên và cho dân sự Ngài. Khi E-xơ-ra cầu nguyện và than khóc tại bàn thờ trước đền thờ của Đức Chúa Trời, “một đám dân Y-sơ-ra-ên, người nam và nữ rất đông, nhóm hiệp xung quanh người”, và họ thấy bị cáo trách vì tội lỗi.

“Chúng cũng khóc nức nở” (Exo 10:1). Phản ứng này không phải là điều E-xơ-ra tạo nên; đó là điều ông cầu xin. Các thầy tế lễ đã dâng chiên con trên bàn thờ nhưng E-xơ-ra đã dâng cho Chúa một của lễ tốt hơn. “Của lễ đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là tâm thần đau thương: Đức Chúa Trời ôi! Lòng đau thương thống hối Chúa không khinh để đâu” (Thi 51:17).

Khi tôi thấy tình cảnh tôn giáo đương thời, tôi nhận thấy rằng các Hội Thánh thường đề cao “những kịch sĩ Cơ Đốc” và “những anh hề Cơ Đốc”, nhưng không nói nhiều về những người biết đổ nước mắt và cầu nguyện như thế nào. Như nhiều người khác, tôi cũng thích sự vui vẻ và nụ cười thoải mái, nhưng đã đến lúc dân sự Đức Chúa Trời cần phải thôi cười để bắt đầu khóc và xưng tội. “Hãy cảm biết sự khốn nạn mình, hãy đau thương khóc lóc; hãy đổi cười ra khóc, đổi vui ra buồn. Hãy hạ mình xuống trước mặt Chúa, thì Ngài sẽ nhắc anh em lên” (Gia 4:9-10). Đó là công thức của Đức Chúa Trời cho sự phục hưng.

Sê-ca-nia là người phát ngôn cho dân sự, những bà con của ông đã phạm tội cưới vợ ngoại bang (Exo 10:26). Trong chức vụ mục sư của tôi, tôi từng chứng kiến những Hội Thánh chia rẽ và tiếng tốt của họ gần như bị hủy hoại vì những người bao che cho những bà con của mình trong vấn đề kỷ luật thay vì đứng về phía Đức Chúa Trời và Lời Ngài. Có lẽ Sê-ca-nia nhớ những gì Môi-se viết về tội bao che (Phu 13:6-11 17:1-13). Phao-lô dạy một nguyên tắc tương tự cho Hội Thánh địa phương (ITi 5:21).

Đối với đa số những người tập trung quanh E-xơ-ra, tình hình hầu như tuyệt vọng; nhưng không phải như vậy với Sê-ca-nia, ông ta đã nói, “Chúng ta phạm tội với Đức Chúa Trời chúng ta mà cưới những người nữ ngoại thuộc các dân tộc của xứ; nhưng đầu đã làm vậy, hãy còn sự hi vọng cho Y-sơ-ra-ên” (Exo 10:2). Ông ta nhận mình và cả dân sự đã phạm tội, và gợi ý một chương trình hành động.

Kế hoạch này thật đơn giản nhưng đòi hỏi cao. Trước hết, dân sự phải đồng lòng cam kết vâng theo luật pháp của Đức Chúa Trời. Sau đó, E-xơ-ra và nhóm người “có lòng kính sợ điều răn của Đức Chúa Trời” sẽ quyết định cách giải quyết vấn đề; và dân sự hứa vâng theo bất cứ điều gì họ bàm hành. Nhưng mọi việc phải được thực hiện theo Luật Pháp Môi-se.

E-xơ-ra chấp thuận kế hoạch đó. Ông liền hứa sẽ dẫn dắt các thầy tế lễ và người Lê-vi như một hội đồng để tiến hành xem xét vấn đề và lo liệu để luật pháp được vâng giữ. Nhưng thay vì bắt tay vào việc ngay, ông đã rút lui vào một căn phòng trong đền thờ để kiêng ăn và cầu xin sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời. Ông để cho hội đồng đặc biệt đó đưa ra quyết định và cho dân sự biết phải làm gì. Một người lãnh đạo khôn ngoan là người biết kéo người khác vào việc, đặc biệt khi vấn đề quá nhạy cảm như vậy.

Hội đồng loan báo cho cư dân Giê-ru-sa-lem và những làng lân cận phải tập trung đến Giê-ru-sa-lem trong vòng ba ngày nếu không sẽ bị trục xuất ra khỏi cộng đồng. Đồng thời họ cũng kiểm tra các cặp vợ chồng để tìm ra ai là người đã vi phạm luật pháp Môi-se.

Một người lãnh đạo biết hạ mình cầu nguyện, một dân tộc biết sẵn lòng, một hội đồng có đức tin và lòng can đảm cùng hợp sức với nhau giải quyết một nhiệm vụ khó khăn. Đó là tấm gương cho Hội Thánh ngày nay noi theo!

4. Sự thanh tẩy: một dân tộc biết vâng lời (Exo 10:9-43)

Vào ngày 19, tháng 12, những nam đình của hai chi phái chính, Giu-đa và Bên-gia-min, cùng với những người lưu đày từ các chi phái khác, tập trung trên đường trước đền thờ và bắt đầu cuộc điều tra trọng thể. (Sự nhóm họp này có thể đã xảy ra ở Cửa Nước nơi mà trước đây E-xơ-ra giải nghĩa Luật Pháp cho dân sự, Ne 8:1.)

Đó là một ngày trong tháng 12, giữa mùa mưa (từ tháng 10 đến tháng 4), và đám đông run rẩy, không chỉ vì thời tiết nhưng còn vì họ biết chắc cơn mưa từ trời này là khúc dạo đầu cho sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. E-xơ-ra nói rõ rằng những cuộc hôn nhân tạp chủng đó phải bị huỷ bỏ, và ông kêu gọi những người Do Thái trung tín phải cách ly mình với những người không vâng theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời.

Một lần nữa, E-xơ-ra được người khác cố vấn, và ông đã nghe theo. (Phước cho người lãnh đạo biết lắng nghe ý kiến của người khác!) Người ta nói rằng E-xơ-ra trao quyền cho hội đồng các thầy tế lễ và người Lê-vi làm việc với và lãnh đạo các chi phái, cũng như các trưởng lão và các quan xét trong các thành (những người biết rõ dân của họ), và để họ quyết định ai là người phạm tội. Thật không thực tế khi thẩm vấn quá nhiều người ở cùng một chỗ, nhất là khi thời tiết khắc nghiệt như vậy; và công việc đó không thể nào hoàn tất trong một ngày. Ngoại trừ bốn người không đồng ý (Exo 10:15), đám đông đều nhất trí với ý kiến đó và hứa làm theo.

Mười ngày sau (câu 160, nhằm ngày 29 tháng 12, E-xơ-ra và các lãnh đạo ngồi lại với nhau bắt đầu xem xét vấn đề; ba tháng sau, ngày 27 thành 3 năm 457, công việc của họ được hoàn tất. Công việc này hết sức khó khăn, nhưng họ kiên nhẫn thực hiện với sự giúp sức của Đức Chúa Trời. Họ phát hiện được hơn một trăm người vi phạm, [31] trong đó có 27 thầy tế lễ, người Lê-vi và người hát xướng trong đền thờ, người giữ cổng, là những người lẽ ra phải gương mẫu về sự vâng phục.

Khi những lãnh đạo thuộc linh bắt đầu phạm tội, thì không lâu sau những người khác sẽ bắt chước theo. Dù chúng ta không muốn giảm nhẹ tính tàn bạo của tội lỗi chúng ta nên lưu ý rằng số người vi phạm rất thấp khi đem so với tổng số dân. Tám mươi năm trước, gần 50.000 người Do Thái đã trở về với Xô-rô-ba-bên và Giê-sua, trong suốt những năm yên ổn, dân số chắc chắn tăng lên nhiều. Tổng số người vi phạm chưa đến một phần mười số dân. Tuy nhiên, tốt nhất nên giải quyết vấn đề khi còn ít

người liên quan, vì càng chờ lâu hơn, thì tội lỗi càng lan tràn. Thậm chí một người vi phạm cũng là quá nhiều (Tr 9:18).

Những thầy tế lễ phạm tội hứa sẽ bỏ vợ người ngoại của mình và họ dâng của lễ để xin Đức Chúa Trời tha thứ (Exo 10:18-19). Chúng ta có thể nghĩ rằng những người khác cũng theo gương họ. Đức Chúa Trời trong ân điển của Ngài đã chấp nhận sự ăn năn, xưng tội của họ và tha thứ cho họ.

Sách E-xơ-ra mở đầu đoạn 2 bằng một danh sách kể tên những anh hùng Do Thái sẵn sàng trở về xứ để hầu việc Đức Giê-hô-va. Sách E-xơ-ra kết thúc bằng một danh sách những tội nhân không vâng lời Đức Chúa Trời nhưng công khai sửa chữa lỗi lầm với Đức Chúa Trời và dân sự. “Sửa chữa lỗi lầm” không tự nhiên chữa lành mọi vết thương hoặc xóa hết mọi nỗi đau, vì những phụ nữ ngoại bang có liên quan phải rời khỏi cộng đồng và trở về nơi mà họ xuất thân, đi theo họ là những đứa trẻ được sinh ra trong những cuộc hôn nhân bất hợp pháp ấy. Dễ dàng nhổ cây đinh ra khỏi tấm ván, nhưng không thể xóa đi vết tích mà nó để lại.

Hơn mười ba năm sau, vấn đề hôn nhân tạp chủng tái diễn một lần nữa trong thời gian Nê-hê-mi làm quan tổng trấn Giê-ru-sa-lem (Ne 13:23-31). Những lãnh đạo có thể bắt dân chúng tuân thủ luật pháp và cải tổ nền đạo đức của đất nước, nhưng chỉ một mình Đức Chúa Trời có thể thay đổi tấm lòng conng và sản sinh một bánh tánh muốn làm điều phải lẽ. Đó là sự khác nhau giữa “sự cải cách” và “sự phục hưng.”

Giờ đây chúng ta nói đến Tiên Tri A-ghê và chức vụ của ông trong việc giúp sự xây lại đền thờ được tiến hành.

NHÌN LẠI

Cần Tuyên: Những Nam Nữ Anh Hùng

In The world's broad field of battle,
In the bivouac of life,
Be not like dump, driven cattle!
Be a hero in the strife!

(Trong chiến trường rộng lớn của thế gian, trong đêm tối của cuộc đời. Đừng như con thú bị đánh đuổi, hãy xông vào trận chiến như những anh hùng!)

Henry Wadsworth Longfellow đã viết những lời này trong bài thơ nổi tiếng của ông ta, “A psalm of Life.” Một người nào đó đã đổi lại một chút cho phù hợp với Hội Thánh ngày nay.

In The world's broad field of battle,
In the bivouac of life,
You will find the Christian Soldier
Represented by his Wife.

(Trong chiến trường rộng lớn của thế gian, trong đêm tối của cuộc đời. Bạn sẽ thấy người chiến binh Cơ Đốc, nhưng qua người vợ hiền của anh ta.)

Không phủ nhận rằng một số người đàn ông bỏ mặc vai trò anh hùng thuộc linh cho vợ họ, nhưng tôi thừa nhận mình không hoàn toàn đồng ý câu thơ chế giễu đó.

Trong gần 50 năm chức vụ ở nhiều nơi trên thế giới, tôi từng gặp nhiều người đàn ông Cơ Đốc, có vợ và con, họ đang sống như những anh hùng để làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Anh hùng không phân biệt giới tính. Lịch sử Hội Thánh ghi lại những câu chuyện “Anh Hùng Đức Tin”, mà những nhân vật chính là cả người nam lẫn người nữ, chúng ta sẽ không biết hết những câu chuyện của hàng triệu anh hùng ẩn danh cho đến ngày chúng ta gặp họ trên Thiên đàng. Đức Chúa Trời biết họ là ai và đó là tất cả vấn đề.

Bốn thập niên trước, một sử gia người Mỹ, Arthur M. Schlesinger, xuất bản một bài tiểu luận có tựa đề *“The Decline of Heroes”* (Sự Sa Sút của Những Anh Hùng), trong đó ông ta phê phán xã hội đương đại thiếu vắng những anh hùng, là loại người “nắm bắt lịch sử bằng cả hai tay và ghi nhớ nó, lưu ý những lời hướng dẫn của nó.” [32] Theo Schlesinger, xã hội ngày nay coi trọng “chủ nghĩa tập thể”, mà không thích chủ nghĩa cá nhân, mọi người thích hợp thành nhóm và cùng thích sự dễ chịu trong sinh hoạt tôn giáo. Như vậy không có chỗ cho những người can đảm và người có cái nhìn khác. “Những con người vĩ đại thích ứng với xã hội đồng nhất này ở những điểm nào?”, Ông ta hỏi [33] Nhiều người không thoải mái với những anh hùng; họ tỏ ra xem thường và phân biệt.

Nhờ phương tiện truyền thông hiện đại, “những anh hùng” giả mạo, cả thể tục và thiêng liêng, có thể được chế tạo một sớm một chiều. Samuel Boorstin viết, “Hai thế kỷ trước, khi một người vĩ đại xuất hiện, người ta mong đợi ý muốn của Đức Chúa Trời trong người đó; ngày nay chúng ta mong đợi người phụ trách quảng cáo của anh ta.” [34] Đáng tiếc, Hội Thánh ngày nay có rất nhiều anh hùng được chế tạo hàng loạt; nhưng cũng có những anh hùng thật, là những người biết khiêm nhường và can đảm hầu việc Đức Chúa Trời và dân sự Ngài. Vấn đề là, chúng ta cần nhiều anh hùng hơn trong Hội Thánh ngày nay nếu chúng ta phải vượt qua những thử thách mà Đức Chúa Trời đặt ra trước mắt chúng ta.

Khi chúng ta nhìn lại các ba sách Cựu Ước mà chúng ta vừa học, chúng ta có thể kết luận gì về những anh hùng của Đức Chúa Trời?

1. Những anh hùng của Đức Chúa Trời có muôn hình vạn trạng . Không có một khuôn mẫu nhất định. E-xơ-ra là một thầy tế lễ có học thức, ông biết Luật Pháp của Đức Chúa Trời và có thể giảng dạy nó. A-gê-lê là một người lớn tuổi, có suy nghĩ giống với thế hệ trẻ hơn mình, và Xa-cha-ri là người trẻ tuổi và nhận gánh nặng về lời tiên tri từ Đức Chúa Trời. Xô-rô-ba-bên mang dòng máu hoàng gia, nhưng sẵn sàng làm quan trấn thủ dưới quyền của chính phủ Phe-rơ-sơ. Giê-sua, thầy tế lễ cả, sống giữa vòng dân sự và ngày đêm khích lệ họ. Và cùng sát cánh với những người này là rất nhiều những người nam, người nữ tận tụy mà Kinh Thánh không nhắc tên nhưng Đức Chúa Trời biết hết, họ là những người mang gánh nặng và trung tín làm tròn bổn phận của mình, cố gắng hết mình để làm người xây dựng thay vì làm kẻ phá hoại.

Thế gian này cho chúng ta hình ảnh ẩn tượng về những lãnh đạo thành công, nhưng không có một khuôn mẫu nào, hoặc trong lãnh vực kinh doanh, chính trị, hay Hội Thánh. Thật ra, những anh hùng của Đức Chúa Trời không nhất thiết là “những lãnh đạo”; nhiều người chỉ là những môn đồ biết vâng lời. Điều quan trọng là, giống như E-xơ-ra, chúng ta có cánh tay nhân lành của Đức Chúa Trời ở trên mình, giống như Giê-sua và Xô-rô-ba-bên, chúng ta kinh nghiệm dầu của Thánh Linh Đức Chúa Trời ban cho chúng ta quyền phép của Ngài.

Tôi được ơn hầu việc ở nhiều lãnh vực, và từ kinh nghiệm đó tôi học được điều này: Đức Chúa Trời đang tế tri trong việc huấn luyện và kêu gọi những đầy tớ của Ngài, thường thì “những người cứng đầu” không phải là những người nhìn thấy Đức Chúa Trời thực hiện những việc lạ lùng này. Những anh hùng của Đức Chúa Trời không phải là những bản sao trên giấy than; họ là những nguyên bản. Họ dám là chính mình và làm trọn công việc mà Đức Chúa Trời kêu gọi họ làm.

2. Những anh hùng của Đức Chúa Trời nhìn thấy cơ hội, nhưng cũng biết những khó khăn. 50.000 người Do Thái về Giu-đa để xây lại đền thờ biết rõ rằng cuộc sống của họ ở Giê-ru-sa-lem sẽ khó khăn hơn ở Ba-by-lôn, nhưng họ cũng biết rằng họ phải hoàn thành một nhiệm vụ. E-xơ-ra có thể ở lại Ba-by-lôn và mở một trường Kinh Thánh, nhưng ông đã quyết định thay đổi sự phân cấp của mình, từ “người định cư” thành “người khai hoang” trở về Giê-ru-sa-lem. Ông có biết những trở ngại và khó khăn mà ông sẽ đối diện? Dĩ nhiên ông biết, nhưng ông thích nhìn vào những cơ hội.

Chúng ta dường như quên rằng điều giúp cho “những anh hùng đức tin” tiếp tục vững bước, như những người được liệt kê trong Hê-bơ-rơ 11, là khái tượng của họ về Đức Chúa Trời và những gì Ngài muốn họ làm. Áp-ra-ham thấy được thành của Đức Chúa Trời vì vậy không bị Ai-cập và Sô-đôm cám dỗ như Lót đã bị (He 11:13-16). Môi-se thấy “Đấng không thể nhìn thấy” và phần thưởng mà Đức Chúa Trời dành cho người trung tín, nên ông từ bỏ của cải và địa vị ở Ai-cập và đồng hóa mình với dân sự khốn khổ của Đức Chúa Trời (11:24-27).

Những anh hùng của Đức Chúa Trời bị Đức Chúa Trời lôi cuốn, Ngài là ai, Ngài làm gì và Ngài muốn họ làm gì. Khi bạn nhìn vào mắt họ, bạn thấy một biểu hiện xa xăm rằng họ đã bắt gặp một khái tượng. Trong nhiều Hội Thánh ngày nay, các lãnh đạo thích giám sát sự cải đạo, và Hội Thánh là bãi đậu xe, không phải là bộ phóng. Không có khái tượng nào vì người ta đang nhìn lại đằng sau thay vì nhìn về phía trước.

3. Những anh hùng của Đức Chúa Trời tin nơi những lời hứa của Lời Ngài. “Ấy vậy, các trưởng lão của dân Giu-đa bắt tay cất lại đền thờ, công việc được may mắn, y lời tiên tri của tiên tri A-ghê, và của Xa-cha-ri, con trai của Y-đô” (Exo 6:14). Nếu bạn thờ ơ với Lời của Đức Chúa Trời, bạn sẽ trở thành “những mơ mộng hão huyền”, thay vì phải là người của sự hiện thấy. Lượng uy tín, sự đào tạo nghề nghiệp, hay kinh nghiệm trong chức vụ không thể thay cho đức tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời và hành động thích hợp với chúng.

Những sứ điệp của A-ghê vực dậy những con người nản lòng để họ trở lại với công việc xây dựng đền thờ. Xa-cha-ri bảo đảm với họ về tình yêu thương mà Đức Chúa Trời dành cho họ và tương lai huy hoàng mà Ngài hoạch định cho họ. Qua các tiên tri, Đức Chúa Trời khích lệ Xô-rô-ba-bên hoàn thành công việc, và Giê-sua tiếp tục thay mặt cho dân sự trước mặt Đức Giê-hô-va.

Những anh hùng của Đức Chúa Trời dành thời gian tương giao với Ngài và suy gẫm Lời Ngài (Gios 1:8 Thi 1:1-3). Họ có thể đối mặt với kẻ thù vì họ biết và tin những lời hứa của Đức Chúa Trời.

4. Những anh hùng của Đức Chúa Trời biết cách làm việc cùng nhau. Dù các anh hùng đôi khi là những người riêng rẽ và thậm chí lập dị, nhưng họ biết họ không thể làm việc một mình. Chức vụ bị cô lập sẽ có kết quả rất giới hạn, vì dân sự của Đức Chúa Trời thuộc về nhau, ảnh hưởng đến nhau và cần thiết cho nhau.

Sứ đồ Phao-lô có lẽ là một thần học gia và nhà truyền giáo vĩ đại nhất, nhưng ông luôn cần những người đồng công với mình. Bên cạnh ông là những người như Lu-ca, Ti-mô-thê, Ba-na-ba, Giăng Mác, Tít, Paphroditus, Euodia, Syntyche, và một ông chủ, ngoài ra còn có 26 người được kể tên trong Rô-ma 16. Ông đã làm nổi bật sự vĩ đại trong họ và họ tiếp ông mang những gánh nặng trong chức vụ. Tất cả họ đều cần cho nhau.

E-xơ-ra là một nhà luật học có tài, một giáo sư có ân tứ giảng dạy Luật Pháp, nhưng ông sẵn lòng làm việc bên cạnh những người không biết luật pháp. A-ghê là một người lớn tuổi, từng thấy đền thờ của Sa-lô-môn, Xa-cha-ri là một người trẻ tuổi được sinh ra ở Ba-by-lôn, nhưng họ cùng nhau hầu việc Đức Chúa Trời. Những anh hùng của Đức Chúa Trời không phân biệt giới tính, tuổi tác, trình độ, kinh nghiệm và điều quan trọng là, “Tay nhân từ của Đức Chúa Trời có ở trên bạn không? Dầu của Đức Chúa Trời có được xúc cho đời sống và chức vụ của bạn không?”

5. Những anh hùng của Đức Chúa Trời không ngại sự thay đổi. Một người bạn đã hỏi tôi, “Anh có biết cần bao nhiêu chấp sự trong Hội Thánh để thay một bóng đèn không?” Khi tôi thừa nhận rằng mình không biết, thì anh ta nói, “Hay thay đổi đi rồi biết!” và hai chúng tôi cùng cười.

Nhưng vấn đề thay đổi trong Hội Thánh luôn gặp khó khăn; nó là một trong giải pháp cho chức vụ sau này của Hội Thánh chúng ta. Dĩ nhiên, một số điều (như giáo lý) không thể thay đổi, nhưng một số điều cần phải thay đổi nếu không chúng ta sẽ thấy mình biệt lập với những người mà chúng ta phải đến gần để truyền giảng.

Xa-cha-ri, người trẻ tuổi, đã dám tuyên bố rằng những ngày kiêng ăn theo truyền thống nên đổi thành những ngày yến tiệc vui mừng. Điều đó chắc chắn gây bất ngờ cho những người theo chủ nghĩa truyền thống ở Ba-by-lôn. Và ông còn đội vương miện cho thấy tế lễ! Tôi có thể tưởng tượng được những điều mà các trưởng lão Do Thái ở Giê-ru-sa-lem nói với nhau, “Chúng ta phải làm gì đó với tay tiên tri trẻ này! Đúng là không được đào tạo trường lớp nên mới gây ra chuyện như vậy.” Nhưng những gì Xa-cha-ri làm đã tôn vinh Đức Chúa Trời và ám chỉ chức Thầy Tế lễ Nhà Vua của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

6. Những anh hùng của Đức Chúa Trời không bất ngờ trước sự chống đối, nhưng họ cũng tin Đức Chúa Trời giúp họ vượt qua. Phao-lô viết cho các bạn ông ở Cô-rinh-tô: “Nhưng tôi sẽ ở lại thành Ê-phê-sô cho đến lễ Ngũ tuần, vì tại đó có một cái cửa lớn mở toang ra cho công việc tôi, lại có nhiều kẻ đối địch” (ICo 16:8-9). Chúng ta tưởng ông nói rằng ông phải ở lại Ê-phê-sô vì ở đó mọi chuyện đang diễn ra tốt đẹp và không có kẻ thù, nhưng ông đã nói điều ngược lại. Những cơ hội luôn luôn kéo theo những sự chống nghịch, nhưng những sự chống nghịch luôn có được mở ra những cơ hội khác.

Những anh hùng của Đức Chúa Trời không khăn gói ra đi khi có người chống đối họ và việc làm của họ. Đó là sự khác nhau giữa người chẵn thật và kẻ chẵn thuê (Gi 10:1-5). Người chẵn luôn vì lợi ích của chiên, không phải vì tiền công của mình, và càng có khó khăn, anh ta sẽ càng chăm chỉ hơn. Người chẵn biết chắc chó sói sẽ tấn công chiên và anh ta chuẩn bị đối đầu với nó.

Hội Thánh đầu tiên biết chắc có sự chống đối và để Đức Chúa Trời lo liệu. Điều họ quan tâm nhất không phải là sự an ninh và thoải mái của mình, nhưng chính là chức vụ của họ. Họ không cầu nguyện để thoát khỏi; nhưng cầu nguyện để có thể đương

đầu. “Này, xin Chúa xem xét sự họ ngấm đọa, và ban cho các đầy tớ Ngài rao giảng đạo Ngài một cách dạn dĩ” (Cong 4:29). Đó là cách những anh hùng của Đức Chúa Trời cầu nguyện, ngày nay chúng ta nên noi hteo gương của họ.

7. Những anh hùng của Đức Chúa Trời quan tâm đếnnh thế hệ mai sau. Khi Đức Chúa Trời trách vua Ê-xê-chia vì hành động đại dột của ông và bảo ông rằng những châu báu mà ông khoe khoang sẽ bị đem qua Ba-by-lôn, vua đã đáp, “Vì trong ngày ta còn sống, sẽ được bình yên và lẽ thật” (Es 39). Một cái nhìn nông cạn về cuộc đời và chức vụ! Nếu như chúng ta được bình an và thoải mái, thì tại sao còn lo lắng cho những thế hệ tương lai?

Những nhân vật mà chúng ta vừa nghiên cứu rất quan tâm đến những cơ hội thuộc linh cho con cháu của họ. Họ muốn những thế hệ sau này có đền thờ để thờ phượng và có Lời Đức Chúa Trời để học và vâng theo. Những thế hệ trước đã bất trung với Đức Chúa Trời và Ngài phải phá hủy đền thờ và thành của họ. Nhưng không có lý do gì để những thế hệ sau buông xuôi để Giê-ru-sa-lem và đền thờ nằm trong đống đổ nát. “Nếu các nền bị phá đổ, người công bình sẽ làm sao?” (Thi 11:3). **Họ có thể lập lại nền và xây dựng lại.**

Khi thế hệ của Giô-suê và thế hệ tiếp theo đó không còn, nước Y-sơ-ra-ên đã xây lưng với Đức Chúa Trời và thờ các thần tượng (Cac 2:6-15). Lịch sử xa xưa? Không, đó là thực tế trong hiện tại, vì mỗi Hội Thánh là một thế hệ. Nếu chúng ta không dạy dỗ con cháu chúng ta về Đức Chúa Trời, thì mai này sẽ không còn Hội Thánh nữa.

Những anh hùng của Đức Chúa Trời phải biết nhìn xa trông rộng về cuộc sống; họ có thể thấy một bức tranh rộng lớn về hoạch định của Đức Chúa Trời. Họ phải nhiệt tình làm trọn bốn phận của mình “Những điều con đã nghe nơi ta ở trước mặt nhiều người chứng, hãy giao phó cho mấy người trung thành, cũng có tài dạy dỗ kẻ khác” (ITi 2:2). Phao-lô, Ti-mô-thê những người trung thành và những kẻ khác: đó là 4 thế hệ! Nhưng giả sử ti-mô-thê không vâng theo lời đó, hoặc những người trung thành không thật sự trung thành, thì những kẻ khác sẽ thế nào?

8. Những anh hùng của Đức Chúa Trời rất dạn dĩ bởi họ gần gũi với Đức Chúa Trời. Dù trong ân điển của Đức Chúa Trời, chúng có bao nhiêu tài năng và năng lực đi nữa, nếu chúng ta không dạn dĩ sử dụng chúng, thì như thế chúng ta không có chúng vậy. Bạn có thể lái xe khi hộp số của nó đang ở vị trí số không? Nó không thể di chuyển được. Bạn phải tra chìa vào khóa, đề máy, và gài số trước khi có thể lái nó đi.

Quá nhiều người sống trong tình trạng thuộc linh ở vị trí số không. Họ không dám làm gì vì họ sợ bị tổn thương, sợ làm sai, sợ làm rối mọi thứ. Thỉnh thoảng họ rờ máy chỉ để thêm can đảm, mà quên rằng việc làm đó không thể giúp gì cho họ và họ không thể đi đến đâu.

“Hãy đề cao cảnh giác, giữ vững đức tin, phải can đảm và mạnh mẽ” (ICo 16:13 trong bản dịch mới). Có những lời khuyên như rất hay cho những người đang cố gắng trở thành những anh hùng. Tôi phải tin tưởng mọi việc mình làm, và cần can đảm. Một câu ngạn ngữ của người Ý nói rằng, “Thà sống một ngày như con sư tử, còn hơn sống hàng trăm ngày như con chiên”. Nhưng dân sự của Đức Chúa Trời không phải chọn lựa giữ can đảm và hiền lành; chúng ta phải có cả hai tính đó và không hề có mâu thuẫn. Chẳng phải Cứu Chúa của chúng ta vừa là Sư Tử vừa là Chiên Con đó sao? (Kh 5:5-6)

Đức Chúa Trời vẫn đang tìm kiếm tất cả những người nam, người nữ sẵn sàng làm “những anh hùng thánh khiết” trong thế gian tội lỗi này. Họ sẽ không ở trong cương vị giống E-xơ-ra, Giê-sua và Xô-rô-ba-bên, nhưng cương vị nào cũng quan trọng trong hoạch định của Đức Chúa Trời, nếu chúng ta làm theo ý muốn của Ngài.

Bạn có sẵn sàng dũng cảm vì Đức Chúa Trời?